

LUẬT
BAN QUY HOẠCH SÓNG VÔ TUYẾN VÀ CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ VIỄN THÔNG.

Năm 2010

Quốc vương Bhumibol Adulyadej

Ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2010

Năm thứ 65 triều đại Hoàng gia (Ratchakan) thứ 9

Quốc vương Bhumibol Adulyadej đã ban hành sắc lệnh:

Thực hiện sửa đổi Luật về ủy ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và truyền thông.

Luật này có một số mục liên quan đến việc giới hạn quyền và tự do của con người. Điều 29 cùng với điều 35, điều 36, điều 41, điều 43, điều 45, điều 46, điều 47, điều 61 và điều 64 Hiến pháp Vương quốc Thái Lan quy định có thể thi hành dựa trên quy định của pháp luật.

Vì vậy Ngài đã cho phép ban hành Luật với sự hướng dẫn và được thông qua bởi Thượng viện.

Điều 1: Luật này được gọi là “Luật về Ủy ban quy hoạch tần số và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2010”

Điều 2: Luật này có hiệu lực kể từ sau ngày ban bố trong công báo chính phủ.

Điều 3: Hủy bỏ Luật về Ủy ban quy hoạch tần số và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2000.

Điều 4: Trong Luật này:

“Sóng vô tuyến” là sóng điện từ có tần số thấp hơn ba triệu MHz, truyền lan tự do trong không gian, không có dẫn sóng nhân tạo.

“Viễn thông” là việc phát, truyền dẫn hoặc thu ký hiệu, tín hiệu, ký tự, số, hình ảnh, âm thanh, mã số hoặc dạng thông tin khác bằng sóng vô tuyến, dây, quang học, hệ thống điện từ trường hoặc hệ thống khác.

“Vô tuyến viễn thông” là việc phát, truyền dẫn hoặc thu ký hiệu, tín hiệu, ký tự, số, hình ảnh, âm thanh, mã số hoặc dạng thông tin khác bằng sóng vô tuyến.

“Phát thanh vô tuyến” là truyền thông vô tuyến lan truyền âm thanh đến mọi người một cách trực tiếp.

“Vô tuyến truyền hình” là truyền thông vô tuyến lan truyền hình ảnh và âm thanh đến mọi người một cách trực tiếp.

“Hoạt động phát thanh” là hoạt động phát thanh vô tuyến và hoạt động phát thanh, cung cấp dịch vụ phát thông tin công cộng hoặc chương trình đến thiết bị thu có thể nghe dịch vụ được cung cấp đó. Thông tin có thể truyền qua sóng vô tuyến, dây, quang học, hệ thống điện từ trường hoặc một hệ thống khác, hoặc có thể kết hợp nhiều hệ thống khác nhau; hoặc các nghiệp vụ tương tự khác được Đài phát thanh và Ủy ban viễn thông quốc gia (National Broadcasting and Telecommunication Commission – viết tắt: NBTC) quy định là hoạt động phát thanh.

“Hoạt động truyền hình” là hoạt động vô tuyến truyền hình và hoạt động truyền hình cung cấp dịch vụ phát thông tin công cộng hoặc chương trình đến thiết bị thu có thể xem và nghe được dịch vụ được cung cấp. Thông tin có thể truyền qua sóng vô tuyến, dây, quang học, hệ thống điện từ trường hoặc một hệ thống khác, hoặc có thể kết hợp nhiều hệ thống khác nhau, hoặc các dịch vụ tương tự khác được NBTC quy định là hoạt động truyền hình.

“Hoạt động viễn thông vô tuyến” là hoạt động thu và phát ký hiệu, tín hiệu, ký tự, số, hình ảnh, âm thanh, mã số hoặc dạng thông tin khác bằng hệ thống sóng vô tuyến điện, nhằm mục đích viễn thông trong một hoạt động cụ thể hoặc hoạt động không phải là hoạt động viễn thông theo quy định của Luật về hoạt động viễn thông, hoặc hoạt

động phát thanh hoặc truyền hình theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình.

“Hoạt động viễn thông” là hoạt động cung cấp dịch vụ phát, lan truyền, hoặc thu ký hiệu, tín hiệu, ký tự, số, hình ảnh, âm thanh, mã số hoặc dạng thông tin khác bằng hệ thống vô tuyến điện, hệ thống dây, quang học, hệ thống điện từ trường hoặc một hệ thống khác, hoặc kết hợp nhiều hệ thống khác nhau; bao gồm hoạt động vệ tinh thông tin, hoặc những hoạt động khác NBTC quy định là hoạt động viễn thông, không bao gồm các hoạt động là hoạt động phát thanh, nghiệp vụ truyền hình, nghiệp vụ viễn thông vô tuyến.

“Bảng phân chia tần số sóng vô tuyến” là việc quy định băng tần vô tuyến của phát thanh vô tuyến, vô tuyến truyền hình, viễn thông, vô tuyến viễn thông và các hoạt động khác dựa trên các điều kiện do NBTC quy định.

“Kế hoạch cấp phát tần số” là việc quy định kênh tần số vô tuyến cho dịch vụ phát thanh, dịch vụ truyền hình, dịch vụ vô tuyến viễn thông, dịch vụ viễn thông dựa trên các điều kiện do NBTC quy định.

“Phân bổ tần số sóng vô tuyến” là việc cấp phép cho đài phát thanh, đài truyền hình sử dụng băng tần, kênh tần số xác định theo bảng phân chia tần số vô tuyến điện hoặc kế hoạch cấp phát tần số dựa trên các điều kiện do NBTC quy định.

“Cộng đồng” là nhóm người có cùng một khu vực sinh sống, kể cả ở thành thị hoặc nông thôn, bao gồm cả nhóm người có cùng một mối quan tâm sinh sống gần nhau hoặc có thể liên lạc với nhau. Cộng đồng có chung quyền lợi về xã hội, liên kết văn hóa, cùng thực hiện các hoạt động dựa trên luật lệ và phong tục, được thực hiện một cách liên tục, có tổ chức và có đại diện.

“Quỹ” là quỹ nghiên cứu và phát triển hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông vì lợi ích cộng đồng.

“Ủy viên” nghĩa là ủy viên Ủy ban phát thanh, truyền hình và viễn thông quốc gia.

“Cán bộ” là người mà Ủy ban phát thanh, truyền hình và viễn thông quốc gia bổ nhiệm để thi hành theo Luật này.

Điều 5: Thủ tướng chính phủ thay quyền thi hành theo Luật này.

CHƯƠNG I

ỦY BAN PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ VIỄN THÔNG QUỐC GIA

Phần 1

Thành phần, yêu cầu và những điều cấm của ủy viên

Điều 6: Thành lập Ủy ban phát thanh, truyền hình và viễn thông quốc gia, viết tắt là NBTC, với số lượng 11 ủy viên, bao gồm:

(1) Người có thành tích hoặc kiến thức, có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về hoạt động phát thanh số lượng một người, và hoạt động truyền hình số lượng một người.

(2) Người có thành tích hoặc kiến thức, có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về hoạt động viễn thông, số lượng hai người.

(3) Người có thành tích hoặc kiến thức, có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về luật kinh tế, phục vụ lợi ích cho việc chỉ đạo, giám sát nghiệp vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, số lượng hai người mỗi lĩnh vực.

(4) Người có thành tích hoặc kiến thức, có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về bảo vệ người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy quyền tự do con người, phục vụ lợi ích cho việc chỉ đạo, giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình số lượng một người; và chỉ đạo, giám sát hoạt động viễn thông số lượng một người.

(5) Người có thành tích hoặc kiến thức, có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về việc nghiên cứu văn hóa hoặc phát triển cộng đồng, phục vụ lợi ích cho việc chỉ đạo, giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông, số lượng một người.

Điều thư ký NBTC làm trợ ký NBTC.

Điều 7: Ủy viên cần có những phẩm chất sau:

a. Yêu cầu chung:

- (1) Có quốc tịch Thái Lan từ khi sinh ra.
- (2) Độ tuổi: không thấp hơn 35 tuổi và không cao hơn 70 tuổi

b. Những điều cấm:

- (1) Không là thành viên đương nhiệm về chính trị
- (2) Không là thành viên đương nhiệm của đảng chính trị nào.
- (3) Không mắc bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh về thần kinh
- (4) Không nghiện ma túy
- (5) Không bị phá sản hoặc từng là người phá sản gian trá.
- (6) Không bị kết án tù hoặc bị giam theo lệnh của tòa án.
- (7) Chưa từng bị kết án làm trái pháp luật đến mức cao nhất, ngoại trừ các lỗi do hành động bất cẩn, các tội nhẹ, tội phi báng cơ bản.

(8) Chưa từng bị đuổi việc, cách chức hoặc cho thôi việc bởi Chính phủ, cơ quan Chính phủ hoặc doanh nghiệp nhà nước, hoặc tổ chức tư nhân do gian lận trong trách nhiệm, hoặc có hành vi xấu, hoặc được xem là gian lận hoặc hành vi không đứng đắn trong giới Chính phủ.

(9) Chưa từng bị kết án hoặc lệnh của tòa án tịch thu tài sản xung công do làm giàu bất thường hoặc tài sản tăng một cách bất thường.

(10) Không phải là thẩm phán của tòa án tối cao, hội đồng bầu cử, thanh tra viên, Ủy ban phòng chống tham nhũng quốc gia, kiểm toán nhà nước, hoặc Ủy ban nhân quyền quốc gia.

(11) Chưa từng bị Thượng viện ra quyết định cách chức.

(12) Không hoặc chưa từng là ủy viên, quản lý, điều hành, cố vấn, nhân viên, cổ đông hoặc cổ phần trong công ty hoặc công ty cổ phần hoặc pháp nhân khác hoạt động trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, viễn thông trong thời gian một năm trước khi được đề cử theo điều 10, hoặc trước khi được bầu chọn theo điều 15.

(13) Không ở trong giai đoạn đình chỉ chức vụ chính trị.

Điều 8: Ủy viên phải:

(1) Không phải nhân viên Chính phủ có chức vụ và tiền lương định kì.

(2) Không phải nhân viên hoặc người lao động của cơ quan Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc ban ngành tại địa phương và không phải ủy viên hoặc cố vấn của doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan chính phủ.

(3) Không có ngành nghề hoặc chuyên môn tự do khác gây ảnh hưởng hoặc đi ngược lại với lợi ích của việc thi hành trách nhiệm ủy viên, kể cả trực tiếp hay gián tiếp.

Phần 2

Danh sách người xứng đáng được lựa chọn làm ủy viên

Bằng cách tự bầu cử

Điều 9: Vì hiệu quả trong việc đề cử người xứng đáng được lựa chọn làm ủy viên theo điều 4, các hiệp hội, cơ quan hoặc tổ chức sau đây có quyền đăng ký với văn phòng thư ký Thượng viện.

(1) Hiệp hội chuyên môn về hoạt động phát thanh hoặc truyền hình, đã đăng ký pháp lý từ năm năm trở lên.

(2) Hiệp hội chuyên môn về hoạt động viễn thông và đã đăng ký pháp lý từ năm năm trở lên.

(3) Tổ chức giáo dục bậc đại học phù hợp pháp lý, có đào tạo bậc đại học chuyên ngành truyền thông, báo chí hoặc thông tin đại chúng, với thời gian từ năm năm trở lên.

(4) Tổ chức giáo dục bậc đại học phù hợp pháp lý, có đào tạo bậc đại học chuyên ngành liên quan đến viễn thông, với thời gian từ năm năm trở lên.

(5) Tổ chức giáo dục bậc đại học phù hợp pháp lý, có đào tạo bậc đại học chuyên ngành pháp luật, với thời gian từ năm năm trở lên.

(6) Tổ chức giáo dục bậc đại học phù hợp pháp lý, có đào tạo bậc đại học chuyên ngành kinh tế học với thời gian từ năm năm trở lên.

(7) Tổ chức phi chính phủ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận với mục tiêu chính trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy nhân quyền và đã đăng ký pháp lý từ năm năm trở lên.

(8) Tổ chức phi chính phủ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, với mục tiêu chính về mặt nghiên cứu, văn hóa, hoặc phát triển xã hội, đã đăng ký pháp lý từ năm năm trở lên.

Hiệp hội chuyên môn phải là hiệp hội hoạt động với mục tiêu chính liên quan đến chuyên môn và có thành viên làm việc liên quan đến phát thanh, truyền hình hoặc viễn thông.

Hiệp hội hoặc tổ chức có quyền đăng ký theo mục (1), (2), (7), và (8) phải là hiệp hội hoặc tổ chức hoạt động liên tục và có những thành tích rõ ràng. Nếu hiệp hội hoặc tổ chức nào có mục tiêu liên quan đến nhiều ngành thì lựa chọn đăng ký hiệp hội hoặc tổ chức theo mục (1), (2), (7) hoặc (8) theo một loại hình duy nhất.

Khi Ban Thư ký Thượng viện đã được đăng ký làm hiệp hội, cơ quan hoặc tổ chức nào theo điều 1 sẽ được chấp nhận. Phán quyết về sau của tòa án về việc không chấp thuận đăng kí này cũng sẽ không có hiệu lực.

Hiệp hội, cơ quan hoặc tổ chức nào bị từ chối đăng ký theo quy định tại đoạn một, có quyền khiếu nại lên tòa án hành chính. Nhưng việc khiếu nại này không phải nguyên nhân gây bãi bỏ hoặc trì hoãn việc đề cử hoặc bầu cử theo Luật này.

Việc đăng ký hiệp hội, cơ quan, tổ chức giai đoạn một phải theo nguyên tắc, cách thức và điều kiện mà văn phòng thư ký Thượng viện quy định.

Văn phòng thư ký Thượng viện thông báo danh sách hiệp hội, cơ quan, tổ chức đã đăng ký để biết rộng rãi và danh sách trên sẽ được sử dụng lâu dài, đến khi có sự sửa đổi, cập nhật theo các nguyên tắc do văn phòng thư ký Thượng viện quy định.

Điều 10: Trong trường hợp phải lựa chọn và bổ nhiệm ủy viên, văn phòng thư ký Thượng viện thông báo thông qua phương tiện truyền thanh, truyền hình, phương tiện truyền thông in ấn hoặc truyền thông điện tử ít nhất bảy ngày liên tiếp. Các hiệp hội, cơ quan, tổ chức đã đăng ký theo điều 9 đề cử tên người xứng đáng được lựa chọn làm ủy viên, đề cử tên cùng với giấy tờ cam kết của người được đề cử trong thời gian mà văn phòng thư ký Thượng viện quy định với các nguyên tắc sau:

(1) Hiệp hội chuyên môn tại điều 9 (1) và tổ chức giáo dục bậc đại học tại điều 9 (3) có quyền đề cử người theo điều 6 (1). Mỗi hiệp hội và tổ chức được đề cử hai người.

(2) Hiệp hội chuyên môn tại điều 9 (2) và tổ chức giáo dục bậc đại học tại điều 9 (4) có quyền đề cử người theo điều 6 (2). Mỗi hiệp hội và tổ chức được đề cử hai người.

(3) Tổ chức giáo dục bậc đại học tại điều 9 (4) có quyền đề cử người có thành tích hoặc kiến thức và có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về pháp luật theo điều 6 (3). Mỗi tổ chức được đề cử hai người.

(4) Tổ chức giáo dục bậc đại học tại điều 9 (6) có quyền đề cử người có thành tích hoặc kiến thức và có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về khoa học kinh tế theo điều 6 (3). Mỗi tổ chức được đề cử hai người.

(5) Tổ chức phi chính phủ tại điều 9 (7) có quyền đề cử người theo điều 6 (4), mỗi tổ chức được đề cử hai người.

(6) Tổ chức phi chính phủ tại điều 9 (8) có quyền đề cử người theo điều 6 (5), mỗi tổ chức được đề cử hai người.

Các hiệp hội, cơ quan, tổ chức đã đăng ký theo điều 9 nhưng không đề cử tên ứng viên theo quy định tại đoạn một vì bất cứ lý do gì cũng không làm ảnh hưởng đến tiến độ của việc bầu chọn.

Điều 11: Khi hết thời hạn quy định tại điều 10, văn phòng thư ký Thượng viện sẽ kiểm tra phẩm chất của người được đề cử có phù hợp với yêu cầu quy định tại điều 7 và điều 10 hay không. Trong trường hợp người được đề cử không đạt yêu cầu theo điều 7 hoặc điều 10 sẽ thông báo với hiệp hội, cơ quan, tổ chức đã đề cử người đó để tiến hành đề cử người khác trong khoảng thời gian mà văn phòng thư ký Thượng viện quy định. Nếu qua thời hạn quy định trên mà hiệp hội, cơ quan, tổ chức không đề cử người mới thì coi như từ bỏ quyền đề cử.

Nếu vượt quá thời hạn đề cử theo quy định tại đoạn một hoặc theo quy định tại điều 10, trường hợp người được đề cử qua đời, hoặc hủy bỏ giấy cam kết đề cử, hoặc không đạt yêu cầu phẩm chất, vì bất cứ lý do nào, ban thư ký Thượng viện sẽ tiếp tục tiến hành quy trình, có thể không cần đề cử người mới.

Điều 12: Khi đã hết hạn đề cử, nếu danh sách ứng cử viên ít hơn hai lần số lượng đã quy định cho từng nhóm hoạt động theo điều 13 (1), (2), (3), (4) và (5), văn phòng thư ký Thượng viện sẽ gia hạn thời gian đề cử nhưng không quá ba mươi ngày kể từ ngày cuối của thời hạn theo điều 10.

Nếu đã quá thời gian gia hạn đề cập tại đoạn một nhưng số lượng người được đề cử ít hơn quy định của đoạn một, Thư ký thường trực văn phòng Thủ tướng Chính phủ, Thư ký thường trực Bộ Quốc phòng, Thư ký thường trực Bộ Công nghệ thông tin và

truyền thông sẽ kết hợp đề cử ứng viên làm ủy viên phù hợp mọi yêu cầu theo điều 6 và điều 7, để đạt đủ số lượng theo đoạn một.

Điều 13: Khi đã quá thời hạn đề cử theo điều 10, điều 11 hoặc điều 12, tùy trường hợp mà văn phòng thư ký Thượng viện sẽ tổ chức cho tất cả các ứng cử viên đến họp để tự bầu chọn theo cách thức sau:

(1) Người được đề cử theo điều 10 (1) từ hiệp hội chuyên môn theo quy định tại điều 9 (1) tự bầu chọn ra hai người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (1), trong đó, hoạt động phát thanh một người, hoạt động truyền hình một người. Người được đề cử theo điều 10 (1) từ tổ chức theo quy định tại điều 9 (3) tự bầu chọn ra hai người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (1), trong đó, hoạt động phát thanh một người, hoạt động truyền hình một người.

(2) Người được đề cử theo điều 10 (2) từ hiệp hội chuyên môn theo quy định tại điều 9 (2) tự bầu chọn ra hai người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (2). Người được đề cử theo điều 10 (2) từ tổ chức theo quy định tại điều 9 (4) tự bầu chọn ra hai người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (2).

(3) Người được đề cử theo điều 10 (3) và điều 10 (4) chia nhau tự bầu chọn ra tám người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (3), trong đó, chuyên ngành pháp luật bốn người và chuyên ngành kinh tế học bốn người.

(4) Người được đề cử theo điều 10 (5) tự bầu chọn ra bốn người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (4), trong đó mặt chỉ đạo, giám sát hoạt động phát thanh, truyền hình hai người và mặt chỉ đạo, giám sát hoạt động viễn thông hai người.

(5) Người được đề cử theo điều 10 (6) tự bầu chọn hai người xứng đáng làm ủy viên theo điều 6 (5).

Việc bỏ phiếu bầu chọn phải đúng theo nguyên tắc và cách thức do văn phòng thư ký Thượng viện quy định. Theo đó, người được nhiều phiếu bầu chọn nhất theo thứ tự sẽ là người được lựa chọn.

Khi đã lựa chọn được người theo đoạn một và đoạn hai, xem như người được lựa chọn theo quy định tại (1), (2), (3) và (4) là người có phẩm chất phù hợp với quy định tại điều 6 (1), (2), (3), (4) và (5) và là người tốt nhất. Quá trình bầu cử trên phải được hoàn thành trong khoảng thời gian không hơn chín mươi ngày kể từ ngày ra thông báo cho các hiệp hội, cơ quan, tổ chức đăng ký đề cử người xứng đáng được chọn làm ủy viên.

Phần 3

Danh sách người xứng đáng được lựa chọn làm ủy viên

Bằng cách xét tuyển.

Điều 14: Khi cần lựa chọn và bổ nhiệm ủy viên, cần có một Hội đồng tuyển dụng có số lượng mười lăm người, làm nhiệm vụ lựa chọn người xứng đáng làm ủy viên, bao gồm:

- (1) Chủ tịch Ủy ban Nhân quyền quốc gia.
- (2) Chủ tịch Hội đồng cố vấn kinh tế và xã hội quốc gia.
- (3) Thư ký thường trực Văn phòng Chính phủ.
- (4) Thư ký thường trực Bộ quốc phòng.
- (5) Thư ký thường trực Bộ Công nghệ Thông tin và Truyền thông.
- (6) Giám đốc Trung tâm Công nghệ điện tử và máy tính quốc gia.
- (7) Chủ tịch Hội đồng kỹ sư.
- (8) Chủ tịch Hội đồng người khuyết tật quốc gia.
- (9) Chủ tịch Hội đồng chuyên môn báo chí và thông tin đại chúng quốc gia.
- (10) Chủ tịch Liên đoàn hiệp hội Phát thanh và truyền hình.
- (11) Chủ tịch Ủy ban phối hợp tổ chức phi chính phủ.
- (12) Chủ tịch Hiệp hội giám đốc Thái Lan.

(13) Chủ tịch Liên đoàn chuyên môn phát thanh và truyền hình Thái Lan.

(14) Chủ tịch liên đoàn phát thanh quốc gia.

(15) Chủ tịch Liên đoàn các tổ chức người tiêu dùng.

Chủ tịch và ủy viên Hội đồng xét tuyển không có quyền đăng ký để trở thành ủy viên và tổ chức được đề cập tại đoạn một, không được quyền đăng ký để đề cử người xứng đáng được lựa chọn làm ủy viên theo quy định tại phần 2.

Hội đồng xét tuyển chọn một ủy viên để trở thành Chủ tịch Hội đồng xét tuyển và chọn thêm một ủy viên nữa để làm thư ký cho Hội đồng xét tuyển.

Trong trường hợp thiếu vị trí nào hoặc có mà không thể thực hiện nghĩa vụ, nếu số lượng ủy viên còn lại trong Hội đồng nhiều hơn một nửa số lượng Hội đồng xét tuyển ban đầu thì Hội đồng xét tuyển sẽ tiếp tục hoạt động với số lượng ủy viên còn lại.

Văn phòng thư ký Thượng viện làm nhiệm vụ là đơn vị hành chính trong việc tiến hành xét tuyển và lựa chọn ủy viên.

Điều 15: Việc tiến hành tuyển chọn ủy viên tại phần này, văn phòng thư ký Thượng viện sẽ thông báo tuyển dụng các cá nhân có phẩm chất phù hợp theo quy định tại điều 6 thông qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình, phương tiện truyền thông in ấn hoặc truyền thông điện tử trong thời gian ít nhất 30 ngày liên tiếp.

Các cá nhân có quyền đăng ký xét tuyển để trở thành ủy viên, không phải là các cá nhân được đề cử từ các hiệp hội, học viện hoặc các tổ chức được quy định tại điều 10.

Khi đã quá thời hạn quy định tại đoạn một, Hội đồng xét tuyển xem xét và chọn lựa các ứng viên có đủ phẩm chất để làm ủy viên, với số lượng ứng viên gấp hai lần số lượng ủy viên cần tuyển theo quy định tại điều 6 (1) (2) (3) (4) và (5).

Nguyên tắc và phương thức tuyển chọn phải tuân theo những quy định của thư ký thượng viện. Thứ tự của các ứng viên được tuyển chọn sẽ được sắp theo điểm số từ cao xuống thấp.

Áp dụng một cách linh động các quy định tại điều 13 đoạn ba để tiến hành tuyển chọn các ứng viên xứng đáng trở thành ủy viên Hội đồng xét tuyển.

Các ứng viên nếu bị thiệt hại từ việc xét tuyển có thể khiếu nại lên tòa án hành chính. Nhưng việc khiếu nại này không làm trì hoãn hoặc bãi bỏ các quy trình đã thực hiện. Trừ khi tòa án hành chính có phán quyết hoặc yêu cầu khác. Nếu toàn án hành chính có bất cứ phán quyết hoặc yêu cầu nào làm ứng viên không đủ phẩm chất hoặc vi phạm vào những quy định không được có của ứng viên, hoặc được xét tuyển bất hợp pháp, thì người được xét tuyển đó sẽ bị cách chức kể từ ngày tòa án hành chính đưa ra phán quyết hoặc yêu cầu.

Phần 4

Tuyển chọn và bổ nhiệm ủy viên

Điều 16: Khi đã có danh sách ứng viên xứng đáng để được chọn trở thành ủy viên bằng cách tự bầu cử theo quy định tại phần 2 và bằng cách xét tuyển theo quy định tại phần 3, thư ký Thượng viện sẽ tổng hợp tất cả danh sách trên thành một danh sách chung. Nếu số lượng của các ứng viên xứng đáng để được chọn trở thành ủy viên không ít hơn hai lần số lượng quy định tại điều 7 (1), (2), (3), (4), và (5) thì trình danh sách ứng viên kèm sơ yếu lý lịch và thành tích làm việc của từng ứng viên, ghi cụ thể hoặc có bằng chứng chứng tỏ ứng viên đó phù hợp với các quy định tại điều 6, trình lên Chủ tịch Thượng viện trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được danh sách theo quy định tại điều 13 và điều 15 để Thượng viện xem xét và có nghị quyết tuyển chọn tiếp theo.

Trong trường hợp quá trình tự bầu cử theo quy định tại phần 2, hoặc quá trình tuyển dụng theo quy định tại phần 3, một trong hai quá trình không hoàn thành đúng thời gian theo quy định tại điều 13 đoạn ba, thư ký Thượng viện sẽ mang danh sách ứng viên xứng đáng trở thành ủy viên có được từ cách thức hoàn thành đúng thời hạn, cùng

với sơ yếu lý lịch và thành tích làm việc của từng ứng viên, ghi cụ thể hoặc có bằng chứng chứng tỏ ứng viên đó phù hợp với các quy định tại điều 6, trình lên Chủ tịch Thượng viện trong vòng ba mươi ngày từ ngày nhận được danh sách ứng viên theo quy định tại điều 13 và điều 15 để trình cho Thượng viện xem xét và có nghị quyết tuyển chọn tiếp theo.

Điều 17: Thượng viện phải ra nghị quyết tuyển chọn các cá nhân từ danh sách ứng viên mà Thư ký Thượng viện trình lên trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày nhận được danh sách ứng viên, để lựa chọn được ủy viên theo quy định tại điều 6. Theo đó, những người có điểm số cao nhất theo thứ tự từ trên xuống dưới sẽ trở thành ủy viên. Việc xét tuyển được thực hiện bằng cách cho điểm bí mật và phải thông báo cho người trúng tuyển biết.

Khi vượt quá thời hạn theo quy định tại đoạn một, nếu số lượng ứng viên xét tuyển trở thành ủy viên vẫn không đủ so với số lượng theo quy định tại điều 6, Chủ tịch Thượng viện sẽ báo cho Thủ tướng Chính phủ biết, và Thủ tướng Chính phủ sẽ mang danh sách ứng viên trình cho Hội đồng Bộ trưởng xem xét và tiến hành lựa chọn để đạt được số lượng ủy viên theo quy định tại điều 6. Tiến trình này phải hoàn thành trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ được thông báo.

Những người được lựa chọn trở thành ủy viên được đề cập tại đoạn một hoặc đoạn hai, tùy từng trường hợp, tổ chức cuộc họp chung trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày lựa chọn đủ số lượng ủy viên, để chọn ra một người xứng đáng trở thành Chủ tịch Ủy ban và hai người trở thành Phó chủ tịch Ủy ban. Sau đó phải báo cáo kết quả cho Thủ tướng Chính phủ biết, và Thủ tướng Chính phủ sẽ trình lên Hoàng gia để tiến hành bổ nhiệm sau.

Điều 18: Trong trường hợp người được xét tuyển theo quy định tại điều 17 vi phạm những quy định tại điều 8 (1), (2) hoặc (3), Thủ tướng Chính phủ sẽ trình lên Hoàng gia để tổ chức bổ nhiệm sau khi người đó từ bỏ chức vụ theo quy định tại điều 8

(1), (2) hoặc (3) hoặc đưa ra bằng chứng tin cậy chứng tỏ bản thân đã từ bỏ nghề nghiệp và chuyên môn theo quy định tại điều 8 (3) và phải thực hiện trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày được lựa chọn. Tuy nhiên, nếu như người đó không từ chức hoặc vẫn còn hành nghề hoặc chuyên môn tự do trong khoảng thời gian quy định thì người đó sẽ được xem như chưa từng được xét tuyển trở thành ủy viên, và Thượng viện xét tuyển ủy viên mới từ danh sách ứng viên do Thư ký Thượng viện trình lên theo quy định tại điều 16.

Phần 5

Nhiệm kỳ làm việc và miễn nhiệm chức vụ của ủy viên

Điều 19: Ủy viên có nhiệm kỳ làm việc sáu năm kể từ ngày Quốc vương bổ nhiệm và chỉ giữ vị trí trong một nhiệm kỳ.

Ủy viên đã miễn nhiệm chức vụ vẫn tiếp tục giữ vị trí cho đến khi Hoàng gia bổ nhiệm ủy viên mới.

Trước kỳ hạn nhiệm kỳ chín mươi ngày, văn phòng Ban thư ký Thượng viện phải tiến hành trình danh sách và bổ nhiệm ủy viên mới một cách nhanh chóng.

Điều 20: Ngoài miễn nhiệm chức vụ theo nhiệm kỳ, ủy viên có thể miễn nhiệm khỏi chức vụ khi:

- (1) Qua đời.
- (2) Độ tuổi tròn 70 tuổi.
- (3) Từ chức.
- (4) Không đủ phẩm chất và vi phạm những điều cấm theo quy định tại điều 7.
- (5) Có hành vi trái với quy định tại điều 8.
- (6) Thượng viện cho miễn nhiệm chức vụ theo quy định tại điều 21.

(7) Thượng viện bãi nhiệm chức vụ theo luật Hiến pháp về vấn đề phòng chống và bài trừ tham nhũng.

Việc miễn nhiệm chức vụ ủy viên theo quy định tại (1), (2) hoặc (3) phải trình báo cho Hoàng gia biết. Nếu miễn nhiệm chức vụ theo quy định tại (4), (5), (6) hoặc (7) cũng phải trình báo cho Hoàng gia để ban sắc lệnh cho bãi nhiệm chức vụ. Sắc lệnh nói trên có hiệu lực kể từ ngày phát hiện hành vi thiếu phẩm chất ủy viên, hoặc vi phạm những điều cấm, hoặc từ ngày có hành động chống đối, hoặc từ ngày Thượng viện cho miễn nhiệm, hoặc từ ngày bãi nhiệm chức vụ, tùy trường hợp.

Khi xảy ra trường hợp như đoạn một, các ủy viên còn lại tiếp tục thi hành nhiệm vụ và xem như NBTC bao gồm các ủy viên còn lại nhưng tất cả phải nhiều hơn sáu người.

Trong trường hợp miễn nhiệm chức vụ trước nhiệm kỳ, ủy viên được bổ nhiệm giữ chức vụ thay thế sẽ đảm nhiệm chức vụ đó trong thời gian nhiệm kỳ còn lại của người mà mình thay thế. Trong trường hợp nhiệm kỳ còn lại không đến ba năm ủy viên đó có quyền được bổ nhiệm thêm một nhiệm kỳ nữa.

Trong trường hợp Chủ tịch ủy ban hoặc Phó chủ tịch ủy ban miễn nhiệm chức vụ theo quy định tại đoạn một, NBTC sẽ họp để chọn ra một ủy viên để làm Chủ tịch ủy ban hoặc Phó chủ tịch ủy ban, sau đó thông báo cho Thủ tướng Chính phủ biết để Thủ tướng trình báo cho Hoàng gia để bổ nhiệm Chủ tịch ủy ban hoặc Phó chủ tịch Ủy ban mới, tùy trường hợp.

Điều 21: Thành viên Hội đồng dân biểu hoặc thành viên Thượng nghị viện với số lượng không ít hơn một phần tư số lượng tổng thành viên của từng nghị viện có quyền yêu cầu Chủ tịch Thượng viện ra nghị quyết bãi nhiệm ủy viên nếu ủy viên có hành vi xấu nghiêm trọng hoặc sai sót nghiêm trọng trong nhiệm vụ.

Nghị quyết của Thượng viện đề cập tại đoạn một phải có được số phiếu tán thành không ít hơn ba phần năm tổng số thành viên có mặt.

Điều 22: Khi phát hiện NBTC không thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật quy định một cách hiệu quả, những người sau đây có quyền yêu cầu Chủ tịch Thượng viện ra nghị quyết bãi nhiệm cả Ủy ban NBTC:

(1) Thành viên Hội đồng dân biểu với số lượng không ít hơn một phần tư tổng số thành viên hiện có của Hội đồng dân biểu.

(2) Thành viên Thượng viện với số lượng không ít hơn một phần tư tổng số thành viên hiện có của Thượng viện.

(3) Người dân sử dụng dịch vụ, chịu ảnh hưởng từ hoạt động được đề cập tại đoạn một, với số lượng không ít hơn hai mươi ngàn người, có thể yêu cầu với chủ tịch Thượng viện theo nguyên tắc do Chủ tịch Thượng viện quy định.

Nghị quyết của Thượng viện được đề cập tại đoạn một phải nhận được số phiếu tán thành không ít hơn hai phần ba tổng số lượng thành viên có mặt. Quá trình biểu quyết đó phải được xem xét dựa theo báo cáo của Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động được gửi đến Thượng viện theo quy định tại điều 72.

Trong trường hợp bãi nhiệm cả Ủy ban được đề cập tại đoạn một, Ủy ban đó có thể vẫn phải tiếp tục làm việc ở một số vị trí cần thiết cho đến khi có Ủy ban mới đến nhận nhiệm vụ.

Phần 6

Hội họp và thẩm quyền của Ủy ban

Điều 23: Các cuộc họp, biểu quyết và hoạt động của NBTC phải tuân theo các quy chế do NBTC quy định.

Trong cuộc họp nếu có sự xem xét về vấn đề liên quan đến ủy viên nào thì ủy viên đó không được tham gia cuộc họp.

Trong quá trình hoạt động, NBTC có thể ủy quyền cho một hoặc nhiều ủy viên làm việc thay NBTC, nhưng NBTC sẽ từ chối chịu trách nhiệm nếu như vấn đề đã ủy quyền cho ủy viên làm thay nhưng ủy viên làm không được.

Điều 24: Việc thực hiện nhiệm vụ của NBTC, ban hoạt động phát thanh, truyền hình và ban hoạt động viễn thông, trong bất cứ vấn đề gì nếu có liên quan hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của cộng đồng, phải thực hiện theo nghị quyết của cuộc họp và phải công bố công khai báo cáo và kết quả biểu quyết của cuộc họp, kể cả danh sách ủy viên và cả ủy ban để quần chúng nhân dân được biết thông qua cổng thông tin điện tử của văn phòng NBTC và các cách thức khác phù hợp với quy định của NBTC.

Nội dung trong báo cáo cuộc họp nếu có vấn đề mang tính chất mà Luật về thông tin Chính phủ quy định không cần công khai, NBTC có thể ra nghị quyết để công khai thông tin đó.

Việc công khai kết quả báo cáo cuộc họp cùng với kết quả biểu quyết được đề cập tại đoạn một, phải tiến hành trong khoảng thời gian không quá ba mươi ngày kể từ ngày biểu quyết, ngoại trừ có lý do thích đáng phải gia hạn thời gian nhưng không được quá mười lăm ngày, nhưng phải đưa ra lý do thích đáng và cần thiết phải gia hạn thời gian.

Điều 25: Ủy viên là người đảm nhận chức vụ cao theo Luật Hiến pháp về việc phòng chống và bài trừ tham nhũng và là cán bộ theo Luật hình sự.

Điều 26: Chủ tịch Ủy ban, Phó chủ tịch Ủy ban và ủy viên làm việc toàn thời gian.

Chủ tịch Ủy ban, Phó chủ tịch Ủy ban và ủy viên sẽ nhận được tiền lương hàng tháng theo quy định trong Nghị định của Hoàng gia.

Chủ tịch Ủy ban, Phó chủ tịch Ủy ban và ủy viên có thể nhận được phí công tác không cao hơn tỷ lệ được quy định trong Nghị định của Hoàng gia.

Điều 27: NBTC có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(1) Lên kế hoạch quản lý sóng vô tuyến, bảng quy định sóng vô tuyến quốc gia, kế hoạch hoạt động phát thanh, truyền hình, kế hoạch hoạt động viễn thông, kế hoạch tần số phát thanh, kế hoạch mã số viễn thông.

(2) Quy định việc phân bổ sóng vô tuyến điện, giữa sóng vô tuyến sử dụng trong hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình, thông tin vô tuyến và viễn thông.

(3) Quy định đặc điểm và thể loại của từng hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

(4) Xem xét cấp phép và quản lý việc sử dụng sóng vô tuyến và thiết bị thông tin vô tuyến trong hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và viễn thông hoặc trong hoạt động thông tin vô tuyến; và quy định nguyên tắc và cách thức liên quan đến việc cấp phép, điều kiện hoặc lệ phí cấp phép nói trên.

(5) Quy định nguyên tắc sử dụng sóng vô tuyến một cách có hiệu quả và tránh hiện tượng nhiễu sóng, kể cả trong các hoạt động cùng một lĩnh vực hoặc khác lĩnh vực.

(6) Xem xét cấp phép và quản lý hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, để người sử dụng dịch vụ nhận được dịch vụ có chất lượng, hiệu quả, nhanh chóng, chính xác và công bằng; quy định nguyên tắc và cách thức liên quan đến việc cấp phép, điều kiện hoặc lệ phí cấp phép nói trên.

(7) Xem xét cấp phép và quản lý việc sử dụng mã số viễn thông và quy định nguyên tắc và cách thức liên quan đến việc cấp phép, điều kiện hoặc lệ phí cấp phép nói trên.

(8) Quy định nguyên tắc và cách thức sử dụng, kết nối; nguyên tắc và cách thức trong việc quy định cơ cấu lệ phí sử dụng hoặc kết nối mạng để thực hiện hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, kể cả các hoạt động cùng lĩnh vực hoặc khác lĩnh vực, tạo sự công bằng cho người sử dụng dịch vụ, nhà cung cấp dịch vụ và nhà đầu tư, hoặc giữa nhà cung cấp viễn thông. Nhưng quan trọng phải cân nhắc đến lợi ích của cộng đồng.

(9) Quy định cơ cấu lệ phí và cơ cấu chi phí dịch vụ của hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, để đạt sự công bằng với người sử dụng dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ, bằng việc cân nhắc đến lợi ích của cộng đồng.

(10) Quy định tiêu chuẩn và đặc tính mong muốn trong lĩnh vực kỹ thuật áp dụng vào hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông.

(11) Quy định các chỉ tiêu để phòng không để xảy ra hoạt động độc quyền hoặc phát sinh những điểm không công bằng trong cạnh tranh hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

(12) Quy định các chỉ tiêu phân phối các dịch vụ viễn thông một cách toàn diện và cân đối theo quy định tại điều 50.

(13) Bảo vệ quyền lợi và tự do của nhân dân, không để bị lợi dụng từ nhà khai thác dịch vụ; bảo vệ quyền riêng tư và tự do của khách hàng trong việc liên lạc bằng dịch vụ viễn thông; đồng thời thúc đẩy quyền tự do và công bằng của nhân dân trong việc sử dụng lợi ích từ sóng vô tuyến từ hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông.

(14) Phối hợp quản lý sóng vô tuyến cả trong và ngoài nước.

(15) Phán đoán và giải quyết vấn đề sử dụng sóng vô tuyến gây nhiễu sóng.

(16) Theo dõi kiểm tra và tư vấn hướng dẫn nhà khai thác hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông.

(17) Quy định đặc điểm của việc sát nhập, đảm nhận quyền truyền thông đa phương tiện hoặc chi phối hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông sử dụng sóng vô tuyến giữa các phương tiện truyền thông đại chúng hoặc giữa các cá nhân, gây ảnh hưởng cản trở quyền tự do tiếp nhận thông tin hoặc ngăn chặn việc tiếp nhận thông tin đa dạng của nhân dân.

(18) Thúc đẩy sát nhập những người có giấy phép, nhà sản xuất chương trình và những người làm báo chí truyền thông đại chúng liên quan đến hoạt động phát thanh,

hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, thành các tổ chức dưới các hình thức khác nhau để thiết lập tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tự kiểm soát hoạt động chuyên môn theo tiêu chuẩn đạo đức đã đề ra.

(19) Đưa ra quy chế hoặc thông báo theo quy định tại điều 58.

(20) Phê duyệt ngân sách chi trả kinh phí của văn phòng NBTC, kể cả tiền sẽ phân bổ vào ngân quỹ theo quy định tại điều 52.

(21) Xem xét và đưa nghị quyết liên quan đến việc phân bổ ngân quỹ theo quan điểm của Ban quản lý ngân quỹ đưa ra theo quy định tại điều 55.

(22) Cung cấp thông tin và kết hợp tiến hành đàm phán, thỏa thuận giữa Chính phủ Vương quốc Thái Lan với Chính phủ nước ngoài hoặc với các tổ chức quốc tế trong các vấn đề liên quan đến quản lý sóng vô tuyến điện hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình, hoạt động viễn thông hoặc các hoạt động liên quan khác.

(23) Khuyến nghị với Hội đồng Bộ trưởng để ban hành luật hoặc chỉnh sửa, cải tiến hoặc hủy bỏ luật liên quan đến việc phân bổ sóng vô tuyến điện và thực hiện các công việc khác liên quan đến sóng vô tuyến điện, hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông.

(24) Đưa ra bộ quy chế, thông báo hoặc yêu cầu liên quan đến thẩm quyền của NBTC.

(25) Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Luật này hoặc Luật khác.

Việc quy định đặc điểm của việc sát nhập, đảm nhận quyền truyền thông đa phương tiện hoặc chi phối theo (17), NBTC phải tiếp nhận ý kiến của nhân dân và các bên liên quan.

Việc sử dụng thẩm quyền đề cập tại đoạn một không được trái với Luật về hoạt động phát thanh, truyền hình, Luật về hoạt động viễn thông và Luật về truyền thông vô tuyến.

Bất cứ quy chế, thông báo hoặc yêu cầu nào áp dụng rộng rãi, nếu đã được thông báo trong Công báo chính phủ đều có thể áp dụng được.

Điều 28: NBTC tổ chức tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan và nhân dân để lấy ý kiến đó xem xét lại trước khi đưa ra quy chế, thông báo hoặc yêu cầu liên quan đến việc quản lý hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông. Các quy chế, thông báo, yêu cầu này được áp dụng rộng rãi và liên quan đến việc cạnh tranh trong hoạt động, hoặc ảnh hưởng quan trọng đến nhân dân. Phải cung cấp thông tin về nguồn gốc, lý do, tính cấp thiết và tóm tắt nội dung quan trọng liên quan đến vấn đề cần đóng góp ý kiến. Tất cả quá trình của việc tiếp nhận ý kiến được thực hiện trong khoảng thời gian không ít hơn ba mươi ngày. Trừ trường hợp khẩn cấp hoặc nhu cầu cấp thiết, NBTC có thể quy định thời gian tiếp nhận ý kiến ít hơn khoảng thời gian quy định trên

Văn phòng NBTC tổ chức ghi lại kết quả việc tiếp nhận ý kiến bao gồm ý kiến được biểu quyết hoặc kết quả xem xét của NBTC về các ý kiến nói trên, cùng với lý do và phương hướng thực hiện tiếp theo và công khai bản ghi chép nói trên lên hệ thống thông tin truyền thông của văn phòng NBTC.

Điều 29: Việc quy định lệ phí sử dụng hoặc lệ phí kết nối với mạng lưới hệ thống, các lệ phí khác hoặc phí dịch vụ trong hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông theo Luật này và theo Luật về hoạt động phát thanh và hoạt động truyền hình, Luật về hoạt động viễn thông, NBTC phải cân nhắc đến lợi ích cộng đồng và người tiêu dùng, phù hợp với vốn của việc cung cấp dịch vụ, thích đáng và phân bổ tài nguyên một cách có hiệu quả.

Điều 30: NBTC, Ban hoạt động truyền thanh và truyền hình, Ban hoạt động viễn thông, các ban khác và các phân ban được thành lập theo Luật này, kể cả Bí thư NBTC và nhân viên văn phòng NBTC thực hiện nhiệm vụ liên quan đến việc xem xét các khiếu nại của nhân dân trình lên theo văn bản pháp luật, quy chế, điều lệ, thông báo

hoặc hợp đồng mà NBTC hoặc văn phòng NBTC đã ký kết với người dân. Nếu văn bản pháp luật, quy chế, điều lệ, thông báo hoặc hợp đồng nói trên không quy định thời hạn thực hiện thì NBTC sẽ quy định thời gian hoàn thành, và sẽ thông báo rộng rãi cho nhân dân được biết. Các vấn đề không được quy định thời hạn thì phải hoàn thành xong trong khoảng thời gian không quá ba mươi ngày kể từ ngày tiếp nhận vấn đề.

Trong trường hợp NBTC, Ban hoạt động phát thanh và truyền hình, Ban hoạt động viễn thông, các ban khác và các phân ban được thành lập theo Luật này, kể cả Bí thư NBTC và nhân viên văn phòng NBTC thi hành nhiệm vụ chậm trễ hơn thời gian được quy định tại đoạn một mà không có lý do chính đáng hoặc gây phát sinh thiệt hại cho cá nhân nào, thì văn phòng NBTC sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho cá nhân đó, sau đó thu lại tiền từ NBTC, ban hoạt động phát thanh và truyền hình, ban hoạt động viễn thông, các ban khác và các phân ban được thành lập theo Luật này, Bí thư NBTC và nhân viên văn phòng NBTC, những người là nguyên nhân gây nên tình trạng chậm trễ. Tùy từng trường hợp, nếu thiệt hại đó xuất phát từ hành động cố ý làm chậm trễ hoặc do bất cẩn, không thận trọng một cách nghiêm trọng.

Điều 31: Để đảm bảo hiệu quả trong việc bảo vệ người tiêu dùng không bị lợi dụng từ nhà khai thác hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, NBTC có nhiệm vụ kiểm tra quá trình hoạt động của nhà khai thác hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình và hoạt động viễn thông, không để xảy ra bất cứ hoạt động nào thuộc hạng mục có khả năng lợi dụng người tiêu dùng. NBTC sẽ thành lập hai phân ban, bao gồm những người có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm có lợi cho NBTC trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và việc bảo vệ người sử dụng dịch vụ viễn thông. Theo đó hai phân ban này sẽ có thẩm quyền trong việc xem xét và đưa ra ý kiến về những khiếu nại, đồng thời thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của NBTC.

Trong trường hợp nhà khai thác hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình hoặc hoạt động viễn thông có bất cứ hoạt động nào thuộc hạng mục có khả năng lợi dụng người tiêu dùng, bằng cách lợi dụng việc sử dụng mạng lưới hoặc quảng cáo có tính chất thương mại với mức giá quá cao, hoặc gây phiền phức dưới bất cứ hình thức nào theo quy định của NBTC, NBTC có quyền yêu cầu chấm dứt các hoạt động trên.

Điều 32: Để đảm bảo hiệu quả trong việc bảo vệ quyền riêng tư và tự do của người dùng trong việc liên lạc qua đường viễn thông, NBTC có quyền quy định các tiêu chí bảo vệ người sử dụng dịch vụ viễn thông, các quyền lợi liên quan đến thông tin cá nhân, quyền riêng tư và tự do trong việc giao tiếp khi sử dụng dịch vụ viễn thông.

Trong trường hợp phạm tội do bị hãm hại, sử dụng lợi ích, công khai tin tức hoặc các thông tin khác qua dịch vụ viễn thông một cách trái phép, NBTC được xem là người chịu thiệt theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Trong trường hợp người được cấp phép tham gia hoạt động viễn thông là người phạm tội được đề cập tại đoạn hai hoặc biết có hành vi phạm tội được đề cập tại đoạn hai nhưng phớt lờ hoặc không thực thi theo quy định của pháp luật trong một khoảng thời gian nhất định thì NBTC có quyền ra lệnh ngưng sử dụng hoặc rút giấy phép tham gia hoạt động viễn thông.

Điều 33: NBTC có quyền thành lập các phân ban và các nhóm làm việc, hoặc ủy quyền cho cán bộ nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật này hoặc nhiệm vụ đã được ủy quyền.

Các phân ban và nhóm làm việc không được vi phạm các điều cấm theo quy định tại điều 7 (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10) và (11).

Điều 34: Việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật này, NBTC, ban hoạt động phát thanh và truyền hình, ban hoạt động viễn thông và ban giám sát và đánh giá kết quả công việc có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước hoặc cá nhân nào đó giải

thích về sự việc bằng lời nói hoặc giấy tờ bằng chứng liên quan để sử dụng trong quá trình phán xét.

CHƯƠNG II

VIỆC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

Phần 1

Ban phát thanh và truyền hình

Điều 35: Thành lập một Ban phát thanh và truyền hình, bao gồm:

- (1) Chủ tịch ban do NBTC bổ nhiệm từ phó chủ tịch NBTC.
- (2) Ủy viên do NBTC bổ nhiệm từ ủy viên NBTC, không phải là chủ tịch hoặc phó chủ tịch NBTC, số lượng bốn người. Trong đó có hai ủy viên theo quy định tại điều 6 (3) và một ủy viên theo quy định tại điều 6 (4).

Ủy viên được đề cập tại đoạn một không thể cùng là ủy viên của Ban viễn thông.

Thư ký NBTC sẽ bổ nhiệm cán bộ của NBTC làm thư ký và trợ lý thư ký nếu cần thiết.

Điều 36: Áp dụng các quy định của điều 23 cho các cuộc họp của Ban phát thanh và truyền hình một cách linh động. Ngoại trừ phần liên quan đến đại biểu cuộc họp, số lượng ủy viên Ban phát thanh và truyền hình có mặt phải nhiều hơn một nửa số lượng ủy viên trong ban.

Trong trường hợp ủy viên Ban phát thanh và truyền hình miễn nhiệm trước nhiệm kỳ, nếu số lượng ủy viên còn lại trong ban không ít hơn ba người thì ban vẫn tiếp tục hoạt động với số lượng ủy viên đó.

Điều 37: Ban phát thanh và truyền hình được ủy quyền thực hiện các công việc thay NBTC theo quy định tại điều 27 (4), (6), (8), (9), (10), (11), (13), (16) và (18) đối với các công việc liên quan đến hoạt động phát thanh và truyền hình, và thực hiện các công việc khác do NBTC giao.

Phần 2

Ban viễn thông

Điều 38: Thành lập một Ban viễn thông, bao gồm:

- (1) Chủ tịch ban do NBTC bổ nhiệm từ phó chủ tịch NBTC.
- (2) Ủy viên do NBTC bổ nhiệm từ ủy viên NBTC, không phải là chủ tịch hoặc phó chủ tịch NBTC, số lượng bốn người. Trong đó có hai ủy viên theo quy định tại điều 6 (3) và một ủy viên theo quy định tại điều 6 (4).

Ủy viên được đề cập tại đoạn một không thể cùng là ủy viên của Ban phát thanh và truyền hình.

Thư ký NBTC sẽ bổ nhiệm cán bộ của NBTC làm thư ký và trợ lý thư ký nếu cần thiết.

Điều 39: Các quy định tại điều 36 được áp dụng trong các cuộc họp và áp dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban viễn thông một cách linh động.

Điều 40: Ban viễn thông được ủy quyền thực hiện các công việc thay NBTC theo quy định tại điều 27 (4), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) và (16) đối với các công việc liên quan đến hoạt động viễn thông, truyền thông vô tuyến và thực hiện các công việc khác do NBTC giao.

Phần 3

Quản lý hoạt động phát thanh và truyền hình

Điều 41: Người muốn sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh hoặc hoạt động truyền hình phải có giấy phép theo quy định tại Luật này.

Việc nộp đơn xin phép và cấp phép phải theo đúng nguyên tắc, cách thức và điều kiện do NBTC quy định, ngoại trừ các hoạt động thương mại thực hiện theo những điều được quy định tại đoạn sáu.

Việc nộp đơn xin phép sử dụng sóng vô tuyến để cấp tại đoạn một được xem là việc nộp đơn xin phép tham gia hoạt động phát thanh hoặc truyền hình theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình. Khi NBTC cấp phép sử dụng sóng vô tuyến có nghĩa là đã cho phép tham gia hoạt động phát thanh hoặc truyền hình theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình. Điều này cũng có nghĩa là được phép sở hữu và sử dụng thiết bị vô tuyến và đặt đài truyền thông vô tuyến theo quy định của Luật truyền thông vô tuyến. Những thiết bị vô tuyến này phải được ghi rõ trong đơn xin phép.

Việc cấp phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh và truyền hình phải cân nhắc đến lợi ích lớn nhất của cộng đồng cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp địa phương về phương diện nghiên cứu văn hóa, sự ổn định của nhà nước và các lợi ích chung khác. Ngoài ra còn phải cân nhắc đến sự cạnh tranh tự do công bằng và phải hoạt động với tính chất mở rộng lợi ích toàn diện trong các hoạt động khác nhau cho phù hợp với tài nguyên viễn thông của đất nước vì lợi ích chung.

Để thúc đẩy các chương trình phát thanh và chương trình truyền hình có nội dung xây dựng xã hội hoặc chương trình dành cho thiếu nhi và thiếu niên, NBTC quy định các điều khoản để người được cấp phép sắp xếp những chương trình đó được phát sóng trong khung thời gian phù hợp với nhóm đối tượng mục tiêu.

Trong trường hợp cấp phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh hoặc truyền hình với mục đích thương mại được quy định trong Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình, sử dụng phương thức lựa chọn bằng cách đấu giá sóng vô tuyến cấp quốc gia, cấp khu vực và cấp địa phương. Trong đó, phân chia đấu giá theo từng cấp độ. Tất cả hoạt động này phải tuân theo quy định, phương thức, thời gian và điều kiện do NBTC quy định.

Việc quy định phẩm chất của người có quyền tham gia đấu giá sóng vô tuyến được đề cập trong đoạn sáu phải cân nhắc đến: việc quy hoạch tài nguyên vô tuyến một cách hiệu quả và giá trị; ngăn chặn sự độc quyền; thúc đẩy cạnh tranh tự do một cách công bằng; cung cấp dịch vụ một cách hiệu quả; trách nhiệm của người dùng và việc bảo vệ quyền lợi của người xin phép tham gia hoạt động cấp khu vực và cấp địa phương.

Không được cấp phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh và truyền hình nếu phát sinh hoặc có nguy cơ phát sinh nhiễu sóng hoặc chồng lấn sóng do đã được cấp phát từ trước.

Điều 42: NBTC có quyền quy định tỷ giá lệ phí cấp giấy phép theo quy định tại điều 41. Theo đó, lệ phí được chia thành lệ phí cấp giấy phép sử dụng sóng vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép hoạt động. Trong đó lệ phí cấp giấy phép hoạt động sẽ thanh toán khi nhận giấy phép và phải thanh toán hàng năm theo tỷ giá phù hợp với loại hình của giấy phép được cấp, được quy định tại Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình. Lệ phí cấp giấy phép sử dụng sóng vô tuyến vì mục đích thương mại chính là tiền thu được từ việc đấu giá được quy định tại điều 41, đoạn sáu. Đây là lệ phí cấp phép sử dụng vô tuyến điện, thanh toán khi nhận được giấy phép và được chuyển vào công quỹ theo quy định tại điều 52.

Lệ phí cấp giấy phép đề cập tại đoạn một phải được thanh toán hàng năm, do NBTC quy định và cân nhắc đến chi phí quản lý, giám sát sử dụng sóng vô tuyến và

quản lý giám sát hoạt động một cách hiệu quả, với tỷ lệ không quá 2% tổng doanh thu trước khi trừ chi phí của người được cấp giấy phép, và được đưa vào doanh thu của văn phòng NBTC.

Những cơ quan được miễn thi hành theo Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình, kể cả được miễn toàn bộ hoặc vài phần, vẫn phải trả lệ phí đề cập tại đoạn một. Nhưng NBTC có thể xem xét giảm lệ phí ở mức độ phù hợp với mục tiêu hoạt động của cơ quan đó.

Điều 43: Giấy phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh và truyền hình là quyền lợi riêng của người được cấp phép, không thể chuyển nhượng cho người khác.

Người được cấp giấy phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh và truyền hình phải tự thực hiện hoạt động, không thể chuyển nhượng tất cả hoặc một phần quyền quản lý hoặc thỏa thuận ủy quyền cho người khác. Tuy nhiên, có thể cho người khác thuê thời gian để phát sóng chương trình, nhưng phải tuân theo các nguyên tắc, phương thức và điều kiện do NBTC quy định.

Điều 44: Người được cấp phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động phát thanh và truyền hình, nếu không thực hiện hoạt động sử dụng sóng vô tuyến trong khoảng thời gian mà NBTC quy định, hoặc sử dụng sóng vô tuyến cho mục đích khác, hoặc không tuân theo những điều kiện sử dụng sóng vô tuyến, hoặc có những hành vi bị cấm theo quy định tại điều 27 (11) và (17) hoặc không thực hiện theo quy định tại điều 43, NBTC sẽ tiến hành sửa đổi hoặc ra lệnh thu hồi giấy phép sử dụng sóng vô tuyến.

Phần 4

Quản lý hoạt động viễn thông

Điều 45: Người muốn sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động viễn thông phải được cấp giấy phép theo quy định của Luật này. Theo đó sẽ tiến hành bằng cách đấu giá sóng vô tuyến. Tất cả tiến trình được thực hiện theo nguyên tắc, cách thức, thời gian và điều kiện do NBTC quy định. Áp dụng quy định tại điều 41, đoạn bốn và đoạn bảy, áp dụng một cách linh động. Tiền thu được từ việc đấu giá sau khi trừ đi chi phí sẽ được chuyển vào nguồn thu nhập nhà nước.

Việc nộp đơn xin phép sử dụng sóng vô tuyến được đề cập tại đoạn một được xem là việc nộp đơn xin phép tham gia hoạt động viễn thông theo quy định của Luật về hoạt động viễn thông. Khi NBTC cấp phép sử dụng sóng vô tuyến có nghĩa là đã cho phép tham gia hoạt động viễn thông theo quy định của Luật về hoạt động viễn thông. Điều này cũng có nghĩa là đã được phép sở hữu và sử dụng thiết bị vô tuyến và đặt đài truyền thông vô tuyến theo quy định của Luật truyền thông vô tuyến. Những thiết bị vô tuyến này phải được ghi rõ trong đơn xin phép.

NBTC có quyền quy định tỷ giá lệ phí cấp giấy phép hoạt động theo quy định của Luật về hoạt động viễn thông. Theo đó, lệ phí được thanh toán hàng năm và phải cân nhắc đến chi phí quản lý, giám sát việc sử dụng sóng vô tuyến và chi phí quản lý, giám sát hoạt động một cách hiệu quả, với tỷ lệ không quá 2% tổng doanh thu trước khi trừ chi phí của người được cấp giấy phép, và được chuyển vào doanh thu của văn phòng NBTC.

Điều 46: Giấy phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động viễn thông là quyền lợi riêng của người được cấp phép, không thể chuyển nhượng cho người khác.

Người được cấp giấy phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động viễn thông phải tự thực hiện hoạt động, không được chuyển nhượng tất cả hoặc một phần quyền quản lý hoặc thỏa thuận ủy quyền cho người khác.

Điều 47: Người được cấp phép sử dụng sóng vô tuyến để hoạt động viễn thông, nếu không thực hiện hoạt động sử dụng sóng vô tuyến trong khoảng thời gian mà NBTC quy định, hoặc sử dụng sóng vô tuyến cho mục đích khác, hoặc không tuân theo những điều kiện sử dụng sóng vô tuyến, hoặc có những hành vi bị cấm được quy định tại điều 27 (11) hoặc không thực hiện theo quy định tại điều 46, NBTC sẽ tiến hành sửa đổi hoặc ra lệnh thu hồi giấy phép sử dụng sóng vô tuyến.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG HƯỚNG LẬP KẾ HOẠCH

Điều 48: Lập kế hoạch quản lý sóng vô tuyến với nội dung ít nhất phải có những phần sau:

- (1) Chi tiết Bảng phân chia tần số sóng vô tuyến của Thái Lan có thể sử dụng.
- (2) Phương hướng hoạt động liên quan đến sóng vô tuyến quốc tế.
- (3) Chi tiết về sóng vô tuyến được quy định sử dụng cho hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình, hoạt động viễn thông và các hoạt động khác.
- (4) Phương hướng thu hồi sóng vô tuyến để phân bổ lại hoặc cải tiến việc sử dụng sóng vô tuyến.

Kế hoạch quản lý sóng vô tuyến nhằm mục đích phân bổ lại hoặc cải tiến việc sử dụng sóng vô tuyến, và được sử dụng như nguyên tắc và điều kiện cơ bản trong việc cấp phép và thực hiện tất cả hoạt động liên quan đến việc sử dụng sóng vô tuyến.

NBTC sẽ theo dõi, đánh giá hoạt động theo kế hoạch quản lý sóng vô tuyến, đồng thời phải cải tiến bản kế hoạch trên vì lợi ích trong việc quản lý sóng vô tuyến một cách hiệu quả và phù hợp với sự phát triển của công nghệ.

Về việc lập kế hoạch quản lý sóng vô tuyến, NBTC phải tiếp nhận ý kiến của những người tham gia sử dụng sóng vô tuyến và các cơ quan chính phủ liên quan để làm thông tin trong việc xem xét. Việc tiếp nhận ý kiến được tiến hành trong khoảng thời gian không ít hơn ba mươi ngày. Việc lập kế hoạch quản lý sóng vô tuyến phải cân nhắc đến sự hoạt động ổn định của Chính phủ.

Điều 49: Trong việc quản lý, giám sát hoạt động, NBTC lập kế hoạch hoạt động phát thanh và truyền hình, và kế hoạch hoạt động viễn thông để dùng là phương hướng trong việc hoạt động trong thời gian năm năm. Kế hoạch nói trên phải phù hợp với kế hoạch quản lý sóng vô tuyến và ít nhất phải có phương hướng phát triển và thúc đẩy cạnh tranh tự do công bằng giữa những người tham gia hoạt động; phương hướng việc cấp phép sử dụng sóng vô tuyến và cấp phép tham gia hoạt động. Trong đó, về phần hoạt động phát thanh và truyền hình phải tổ chức cho quần chúng nhân dân được sử dụng sóng vô tuyến vì lợi ích cộng đồng, và không được tìm kiếm lợi nhuận thương mại. Trong hoạt động dịch vụ cộng đồng, chỉ cấp phép hoạt động ít hơn 40% sóng vô tuyến cho từng khu vực.

Việc lập kế hoạch được đề cập tại đoạn một, NBTC phải tiếp thu ý kiến của nhân dân, người tham gia hoạt động và các tổ chức Chính phủ có liên quan, để có định hướng cho việc xem xét. Quá trình tiếp thu ý kiến phải được tiến hành trong khoảng thời gian không ít hơn ba mươi ngày.

Trong trường hợp NBTC phán xét một vấn đề mà không trùng khớp với ý kiến của nhân dân, người tham gia hoạt động hoặc các tổ chức Chính phủ đưa ra trong quá trình tiếp thu ý kiến theo quy định tại đoạn hai, NBTC phải giải thích, đưa ra lý do để nhân dân, người tham gia hoạt động hoặc tổ chức Chính phủ được biết.

Nhân dân, người tham gia hoạt động hoặc các tổ chức Chính phủ được đề cập tại đoạn ba, nếu nhận thấy kế hoạch do NBTC quy định mâu thuẫn với những điều lệ trong Hiến pháp Vương quốc Thái Lan, có quyền khởi kiện lên Tòa án hành chính. Bản kế hoạch nói trên sẽ được xem là nguyên tắc theo quy định của Luật về việc thiết lập Tòa án hành chính và phương thức phán xét hành chính.

Bản kế hoạch được đề cập tại đoạn một, sau khi được thông báo trên công báo Chính phủ sẽ liên kết NBTC với các tổ chức Chính phủ liên quan.

Điều 50: Vì hiệu quả trong việc tổ chức dịch vụ viễn thông cơ bản rộng khắp và dịch vụ vì xã hội theo quy định của Luật về hoạt động viễn thông, NBTC quy định kế hoạch tổ chức dịch vụ viễn thông cơ bản rộng khắp và dịch vụ vì xã hội. Theo đó, bản kế hoạch ít nhất phải có những quy định về khu vực và nhóm mục tiêu, thời gian hoạt động cùng với dự toán chi phí phát sinh từ hoạt động nói trên.

Việc lập kế hoạch theo quy định tại đoạn một, NBTC phải trao đổi với các tổ chức Chính phủ liên quan và phải phù hợp với chính sách do Hội đồng Bộ trưởng công báo lên Thượng viện.

NBTC thông báo quy định chi phí sẽ thu từ những người được cấp phép tham gia hoạt động viễn thông. Số tiền đó sẽ được dùng để hỗ trợ cho hoạt động tổ chức dịch vụ viễn thông được đề cập tại đoạn một. Quá trình này phải cân nhắc đến doanh thu mà người được cấp phép nhận được từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông.

NBTC thông báo quy định số tiền từ công quỹ theo quy định tại điều 53 (4) được dùng để hỗ trợ người được cấp phép để có thể tiến hành tổ chức dịch vụ nói trên.

Điều 51: Để thúc đẩy quần chúng được sử dụng sóng vô tuyến theo tỉ lệ quy định tại điều 49, đoạn một, NBTC quy định nguyên tắc và phương thức khuyến khích cộng đồng để trở thành người có đủ phẩm chất trong việc xin giấy phép tham gia hoạt động phát thanh hoặc hoạt động truyền hình, loại hình dịch vụ cộng đồng; việc tìm kiếm thu nhập và việc hỗ trợ người tham gia hoạt động dịch vụ cộng đồng đạt chất

lượng. Toàn bộ quá trình này phải tiếp thu ý kiến của nhân dân và các tổ chức Chính phủ có liên quan.

Thu nhập của người tham gia hoạt động dịch vụ cộng đồng phải là thu nhập từ việc quyên góp, trung tâm trợ cấp hoặc các nguồn thu nhập khác, nhưng không phải từ quảng cáo hoặc hoạt động phát thanh hoặc hoạt động truyền hình.

Việc hỗ trợ người tham gia hoạt động dịch vụ cộng đồng đạt chất lượng phải trợ cấp cho cả hoạt động của đài, không phải chỉ hỗ trợ cho một chương trình nào đó, và có tỉ lệ không hơn một nửa của doanh thu của người tham gia hoạt động cộng đồng. Phải tổ chức đánh giá kết quả chất lượng của việc cung cấp dịch vụ và hiệu quả trong việc chi trả tiền nhận được từ trợ cấp để kết hợp xem xét phân phối tiền trợ cấp trong từng giai đoạn.

CHƯƠNG IV

QUỸ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ VIỄN THÔNG VÌ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

Điều 52: Thiết lập quỹ tại văn phòng NBTC, gọi là “Quỹ nghiên cứu và phát triển hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông vì lợi ích cộng đồng”, với các mục tiêu sau:

(1) Hoạt động để nhân dân được sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và viễn thông một cách rộng khắp, cùng với việc thúc đẩy và hỗ trợ người tham gia hoạt động dịch vụ cộng đồng theo quy định tại điều 41.

(2) Thúc đẩy và hỗ trợ công tác phát triển nguồn tài nguyên thông tin; nghiên cứu và phát triển lĩnh vực hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông; kể cả khả năng trong việc hiểu biết kịp thời công nghệ truyền thông trong việc sử dụng sóng vô tuyến, công nghệ thông tin, các thiết bị công nghệ dành cho người khuyết tật, người cao

tuổi, hoặc người có hoàn cảnh khó khăn cũng như ngành công nghiệp viễn thông và các ngành công nghiệp hạ nguồn.

(3) Thúc đẩy và hỗ trợ công tác phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin, cũng như hoạt động của tổ chức là nhiệm vụ thiết lập tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp hoặc chuyên môn theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình.

(4) Hỗ trợ, khuyến khích và bảo vệ người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và viễn thông.

(5) Hỗ trợ hoạt động theo quy định của Luật về Quỹ phát triển truyền thông an toàn và sáng tạo, bằng cách phân bổ tiền vào Quỹ phát triển truyền thông an toàn và sáng tạo.

Điều 53: Quỹ theo quy định tại điều 42 bao gồm:

- (1) Vốn ban đầu do chính phủ cấp phát.
- (2) Tiền từ việc đấu giá sóng vô tuyến theo quy định tại điều 41, đoạn sáu.
- (3) Tiền được nhận từ việc phân bổ theo quy định tại điều 65, đoạn hai.
- (4) Tiền được chuyển vào quỹ theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình và Luật về hoạt động viễn thông.
- (5) Tiền phạt hành chính được nhận theo quy định của Luật này, và theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình, và theo Luật về hoạt động viễn thông.
- (6) Tiền hoặc tài sản do từ cá nhân cung cấp nhằm cộng tác với quỹ.
- (7) Tiền hoặc tài sản được chuyển sang theo quy định tại điều 91.
- (8) Thành quả hoặc doanh thu của quỹ, kể cả nguồn lợi từ tiền sử dụng lợi ích từ việc nghiên cứu và phát triển hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.
- (9) Tiền và tài sản khác được xung vào quỹ.

Tiền công quỹ tại (4) và (5) chỉ được sử dụng vào mục đích được quy định tại điều 52 (1).

Tiền công quỹ tại (4) có được từ hoạt động nào thì chỉ được sử dụng vì hoạt động đó. Trừ tiền có được từ hoạt động phát thanh và truyền hình có thể sử dụng vì hoạt động phát thanh hoặc truyền hình đều được.

Điều 54: Thành lập một Ban quản lý công quỹ, bao gồm:

(1) Chủ tịch NBTC làm chủ tịch ban.

(2) Thư ký thường trực văn phòng Thủ tướng Chính phủ, Thư ký Ủy ban phát triển kinh tế và xã hội quốc gia, Vụ trưởng Vụ kiểm toán, Giám đốc trung tâm công nghệ điện tử và máy tính quốc gia làm ủy viên.

(3) Chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực phát triển nhân lực và chuyên môn phát thanh số lượng một người; và chuyên môn truyền hình số lượng một người. Ủy viên tại (1) và (2) sẽ là người lựa chọn.

(4) Chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản rộng khắp hoặc trong khu vực cách xa, kể cả hoạt động cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông cho người có hoàn cảnh khó khăn. Ủy viên tại (1) và (2) sẽ là người lựa chọn với số lượng một người.

(5) Chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc hoạt động thúc đẩy quyền lợi và tự do của nhân dân. Ủy viên tại (1) và (2) sẽ là người lựa chọn với số lượng một người.

(6) Chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi người tàn tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Ủy viên tại (1) và (2) sẽ là người lựa chọn với số lượng một người.

Bí thư NBTC sẽ là ủy viên và thư ký. Và Bí thư NBTC sẽ bổ nhiệm nhân viên của văn phòng NBTC làm trợ lý thư ký.

Ủy viên tại đoạn một (3), (4), (5) và (6) không được vi phạm những điều cấm theo quy định tại điều 7 khoản b (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10) và (11) và có nhiệm kỳ thực hiện nhiệm vụ ba năm. Ủy viên có thể được bổ nhiệm tiếp tục làm việc, nhưng không thể làm việc cùng một vị trí hơn hai nhiệm kỳ.

Áp dụng các quy định tại điều 23 vào các cuộc họp của Ban quản lý công quỹ một cách linh động.

Điều 55: Ban quản lý công quỹ có thẩm quyền trong việc quản lý công quỹ và đóng góp ý kiến cho NBTC về việc phân bổ công quỹ để chi trả cho các mục đích được quy định tại điều 52. Ý kiến đóng góp sẽ được xem xét để đưa ra quyết định. Trong trường hợp NBTC có ý kiến khác với ý kiến của Ban quản lý công quỹ, NBTC phải đưa ra lý do để xem xét.

Ban quản lý công quỹ phải công khai chi tiết liên quan đến việc phân bổ tiền trong công quỹ và các hoạt động đề cập tại đoạn một phải cho nhân dân biết thông qua báo điện tử của văn phòng NBTC. Trong đó phải thể hiện rõ thông tin của người xin và người được nhận phân bổ tiền từ công quỹ và tổng số tiền nhận được từ việc phân bổ.

Việc giữ, chi trả, thiết lập tài khoản và hệ thống tài khoản phải được tiến hành theo quy chế mà Ban quản lý công quỹ quy định.

CHƯƠNG V

VĂN PHÒNG ỦY BAN PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ VIỄN THÔNG QUỐC GIA

Điều 56: Văn phòng Ủy ban phát thanh, truyền hình và viễn thông quốc gia, gọi tắt là “văn phòng NBTC” là một tổ chức pháp lý, có vị trí là tổ chức Chính phủ không thuộc nhà nước theo quy định của Luật về quy chế quản lý công vụ đất nước, và không

phải là doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật về Quy trình ngân sách hoặc Luật khác; và nằm dưới sự quản lý giám sát của Chủ tịch Ủy ban.

Hoạt động của văn phòng NBTC không chịu chi phối bởi các quy định của Luật về Bảo vệ lao động, Luật về quan hệ lao động, Luật về bảo hiểm xã hội và Luật về tiền bồi thường.

Điều 57: Văn phòng NBTC có các thẩm quyền và nhiệm vụ như sau:

(1) Chịu trách nhiệm trong việc thu và chi tiền doanh thu của văn phòng NBTC.

(2) Lập kinh phí chi tiêu hàng năm của văn phòng NBTC để NBTC phê duyệt. Chi tiêu hàng năm của văn phòng NBTC bao gồm những chi tiêu liên quan đến hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ của NBTC, Ban phát thanh và truyền hình, Ban viễn thông và văn phòng NBTC.

(3) Kiểm tra và theo dõi việc sử dụng sóng vô tuyến.

(4) Tiếp nhận và xem xét các khiếu nại về việc sử dụng sóng vô tuyến, hoạt động phát thanh, truyền hình và hoạt động viễn thông. Từ đó kiểm tra và giải quyết vấn đề hoặc trình báo vấn đề lên NBTC để xem xét theo nguyên tắc do NBTC quy định.

(5) Nghiên cứu tổng hợp và phân tích thông tin về sóng vô tuyến, việc sử dụng sóng vô tuyến, hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

(6) Thực hiện các nhiệm vụ khác do NBTC, Ban phát thanh và truyền hình, Ban viễn thông bàn giao.

Điều 58: NBTC có quyền đưa ra quy chế hoặc thông báo liên quan đến việc quản lý công việc chung, quản lý nhân sự, quản lý kinh phí, tiền và tài sản, và các hoạt động khác của văn phòng NBTC. Bao gồm cả các vấn đề sau:

(1) Phân chia công việc nội bộ của văn phòng NBTC và phạm vi nhiệm vụ của các công việc nói trên.

(2) Quy định chức vụ, tiền lương và các khoản tiền khác của bí thư NBTC, nhân viên và người làm thuê của văn phòng NBTC cũng như khoản tiền công và chi phí của các ban và phân ban khác theo quy định của Luật này.

(3) Lựa chọn hoặc đánh giá kiến thức, khả năng vì lợi ích trong việc kết nạp và bổ nhiệm chức vụ, mức lương; quy định các nguyên tắc trong hợp đồng và việc trả phí bồi thường trong trường hợp chấm dứt hợp đồng do đánh giá không đạt.

(4) Quản lý nhân sự, kể cả việc tiến hành kỷ luật, kháng cáo và khiếu nại.

(5) Thay quyền và làm việc thay.

(6) Quy định trang phục của nhân viên và người làm công của văn phòng NBTC.

(7) Thuê và bổ nhiệm nhân sự là chuyên gia của một lĩnh vực nào đó, mang lại hiệu quả cho việc thực hiện nhiệm vụ của NBTC; kể cả việc quy định tiền công.

(8) Quản lý và tổ chức kinh phí, tài sản và vật dụng của văn phòng NBTC.

(9) Sắp xếp các khoản phúc lợi hoặc viện trợ khác.

Quy chế hoặc thông báo đề cập tại đoạn một, Chủ tịch ủy ban sẽ là người ký tên và sẽ có hiệu lực sau khi được đăng trên công báo Chính phủ.

Điều 59: Văn phòng NBTC công khai thông tin về hoạt động của NBTC và văn phòng NBTC cho nhân dân biết thông qua hệ thống mạng thông tin, hoặc cách thức khác. Thông tin công khai cần phải có các nội dung sau:

(1) Giấy phép hoạt động của tất cả những người được cấp phép cùng với các điều kiện được quy định.

(2) Tóm tắt doanh thu hàng tháng của văn phòng NBTC theo quy định tại điều 65.

(3) Tóm tắt các khoản chi hàng tháng trong các hoạt động của NBTC và văn phòng NBTC.

- (4) Chi tiết tiền lương của từng ủy viên ban phát thanh và truyền hình, Ban viên thông, các phân ban và các cố vấn khác.
- (5) Kết quả nghiên cứu và kết quả các công việc khác do thuê các tổ chức bên ngoài làm.
- (6) Danh sách các vấn đề khiếu nại, tiến độ và kết quả phán xét của các vấn đề khiếu nại của người tiêu dùng và người được cấp phép, cùng với số lượng vấn đề còn tồn đọng.
- (7) Chi tiết hoạt động thu mua, thuê mướn của văn phòng NBTC và các hợp đồng có liên quan khác.

Điều 60: Văn phòng NBTC phải có một thư ký của NBTC chịu trách nhiệm trực tiếp với Chủ tịch ủy ban về các hoạt động của văn phòng NBTC, và là người lãnh đạo nhân viên và người làm công của văn phòng NBTC.

Trong các hoạt động của văn phòng NBTC liên quan đến người bên ngoài, Thư ký NBTC sẽ là đại diện của văn phòng NBTC. Vì vậy Thư ký NBTC có thể ủy quyền cho cá nhân nào đó tiến hành hoạt động thay theo quy chế do NBTC quy định và đăng trên công báo Chính phủ. Quy chế nói trên không được quy định Thư ký NBTC sẽ ủy quyền cho cá nhân nào.

Điều 61: Chủ tịch ủy ban dưới sự phê chuẩn của NBTC là người bổ nhiệm và rút bỏ chức vụ Thư ký NBTC.

Thư ký NBTC có độ tuổi không dưới ba mươi tuổi trong ngày bổ nhiệm và phải có đủ phẩm chất và không vi phạm những điều cấm tại điều 7, kể cả những phẩm chất khác do NBTC quy định.

Điều 62: Thư ký NBTC có nhiệm kỳ làm việc năm năm tính từ ngày được bổ nhiệm và có thể được bổ nhiệm tiếp tục, nhưng không thể đảm nhiệm cùng một chức vụ hơn hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 63: Ngoài việc miễn nhiệm do hết nhiệm kì theo quy định tại điều 62, Thư ký NBTC miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (1) Qua đời.
- (2) Tròn sáu mươi tuổi.
- (3) Từ chức.
- (4) Bị phá sản.
- (5) Bị kết án tù.
- (6) Không đủ phẩm chất hoặc vi phạm những điều cấm tại điều 61, đoạn hai.

(7) NBTC đưa ra nghị quyết với số phiếu không ít hơn hai phần ba số lượng ủy viên, yêu cầu miễn nhiệm do sai sót trong công việc, có những hành vi sai trái, mất khả năng hoặc không có khả năng thi hành nhiệm vụ.

Điều 64: Thư ký NBTC và nhân viên văn phòng NBTC là cán bộ nhà nước theo quy định của Luật Hiến pháp về ngăn chặn và bãi trừ nạn tham nhũng.

Nhân viên văn phòng NBTC phải có đủ phẩm chất và không được vi phạm những điều cấm theo quy chế do NBTC quy định, và không được là ủy viên, giám đốc, quản lý, cố vấn, nhân viên, cổ đông hoặc cổ phần trong công ty hoặc công ty cổ phần hoặc các pháp nhân khác tham gia hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông.

Thư ký NBTC giữ chức vụ cao theo Luật Hiến pháp về ngăn chặn và bãi trừ nạn tham nhũng.

Việc thi hành nhiệm vụ theo quy định tại Luật này, Thư ký NBTC và cán bộ nhân viên là nhân viên chính thức theo quy định của Bộ luật hình sự.

Điều 65: Các khoản thu của văn phòng NBTC bao gồm:

(1) Lệ phí cấp phép sử dụng sóng vô tuyến và lệ phí cấp phép hoạt động theo quy định tại điều 42, đoạn hai và điều 45, đoạn ba.

(2) Các khoản thu hoặc kết quả từ các hoạt động thuộc thẩm quyền của NBTC và văn phòng NBTC.

(3) Các khoản thu từ tài sản của văn phòng NBTC.

(4) Tiền và tài sản được quyên góp cho văn phòng NBTC theo quy chế do NBTC quy định, sử dụng trong việc thực hiện các hoạt động của văn phòng NBTC.

(5) Tiền do Chính phủ phân bổ.

Các khoản thu của văn phòng NBTC tại (1) và (2) sau khi trừ các chi phí cho các hoạt động hiệu quả của văn phòng NBTC, các chi phí cần thiết khác, tiền phân bổ đề trợ cấp cho quỹ theo quy định tại điều 52 và quỹ phát triển công nghệ vì giáo dục theo quy định của Luật về Giáo dục quốc gia; số dư còn lại sẽ được đưa vào thu nhập quốc gia.

Trong trường hợp thu nhập của văn phòng NBTC không đủ để chi trả các chi phí trong các hoạt động hiệu quả của văn phòng NBTC, kể cả các chi phí cần thiết khác, và không thể tìm được nguồn tiền khác, Chính phủ sẽ phân bổ kinh phí quốc gia cho văn phòng NBTC số tiền cần thiết.

Điều 66: Để đạt hiệu quả trong việc phân bổ kinh phí quốc gia cho văn phòng NBTC theo quy định tại điều 65 đoạn ba, văn phòng NBTC phải đề xuất kinh phí chi phí của năm, kinh phí cần hỗ trợ lên Hội đồng Bộ trưởng, để phân bổ tiền trợ cấp của văn phòng NBTC, đính kèm trong báo cáo dự luật quản lý ngân sách chi tiêu hàng năm hoặc dự luật ngân sách chi tiêu bổ sung, theo tùy trường hợp. Theo đó, Hội đồng Bộ trưởng có thể đề xuất ý kiến về việc phân bổ kinh phí của văn phòng NBTC đính kèm báo cáo dự luật quản lý ngân sách chi tiêu hàng năm hoặc dự luật ngân sách chi tiêu bổ sung. Trong quá trình xem xét dự luật quản lý ngân sách chi tiêu hàng năm hoặc dự luật ngân sách chi tiêu bổ sung, Hội đồng dân biểu hoặc Thượng viện có thể gọi Thư ký NBTC đến giải thích để hỗ trợ việc phát xén.

Điều 67: Bất động sản mà văn phòng NBTC có được do mua hoặc trao đổi từ doanh thu của văn phòng NBTC theo quy định tại điều 65 (1), (2) hoặc (3), hoặc có người quyên góp theo (4), sẽ thuộc quyền sở hữu của văn phòng NBTC.

Bất động sản là tài sản của quốc gia theo quy định của Luật về bất động sản quốc gia, thuộc sở hữu của văn phòng NBTC, văn phòng NBTC có quyền quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng, sử dụng theo các nguyên tắc do NBTC quy định.

Tài sản của văn phòng NBTC không nằm trong diện thi hành án.

Điều 68: Bộ phận kế toán của văn phòng NBTC phải tổ chức theo nguyên tắc quốc tế theo tiêu chuẩn của Hội đồng kiểm toán, phải tổ chức kiểm tra nội bộ liên quan đến tài chính, kế toán, kiểm kê của văn phòng NBTC theo các quy chế do NBTC quy định.

Việc kiểm tra nội bộ đề cập tại đoạn một phải có Hội đồng kiểm tra nội bộ với số lượng không ít hơn ba người và không hơn năm người. NBTC sẽ bổ nhiệm từ chuyên gia có kiến thức, năng lực trong việc kiểm tra nội bộ và phải có đủ phẩm chất và không vi phạm những điều cấm theo quy định tại điều 7 và điều 8. Văn phòng NBTC phải sắp xếp cán bộ kiểm tra nội bộ với số lượng vừa đủ, thuộc Hội đồng kiểm tra nội bộ, làm nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng kiểm tra nội bộ trong các hoạt động thuộc thẩm quyền.

Hội đồng kiểm tra nội bộ có quyền tự do trong việc thực hiện nhiệm vụ và NBTC, Thư ký NBTC và nhân viên văn phòng NBTC phải hỗ trợ cho Hội đồng kiểm tra nội bộ và cán bộ kiểm tra nội bộ.

Hội đồng kiểm tra nội bộ phải báo cáo kết quả kiểm tra cho NBTC mỗi một trăm tám mươi ngày.

Nhiệm kỳ làm việc, việc miễn nhiệm, và các cuộc họp của Hội đồng kiểm tra nội bộ phải tuân theo các quy chế do NBTC quy định.

Điều 69: Văn phòng NBTC lập bảng cân đối ngân sách tài chính và kế toán gửi cho nhân viên kiểm toán trong vòng sáu mươi ngày tính từ ngày kết thúc năm tài chính.

Mỗi năm, văn phòng kiểm toán quốc gia sẽ là người kiểm toán và đánh giá việc sử dụng tài chính và tài sản của văn phòng NBTC bằng cách phân tích hiệu quả của

việc sử dụng tài chính, đồng thời đề xuất ý kiến cho biết việc sử dụng tài chính nói trên nhằm mục đích và đạt hiệu quả như thế nào. Sau đó làm báo cáo kết quả gửi cho NBTC, Hội đồng Bộ trưởng và Thượng viện.

Văn phòng NBTC là cơ quan nhận kiểm tra theo quy định của Luật Hiến pháp về kiểm kê tài chính quốc gia.

CHƯƠNG VI

GIÁM SÁT, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ

Điều 70: Thành lập một Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động, bao gồm một Chủ tịch hội đồng, và bốn ủy viên khác, với phẩm chất được quy định như sau:

(1) Người có thành tích hoặc kiến thức và có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực phát thanh, số lượng một người; lĩnh vực truyền hình số lượng một người.

(2) Người có thành tích hoặc kiến thức và có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực viễn thông, số lượng một người.

(3) Người có thành tích và kinh nghiệm về lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng, số lượng một người.

(4) Người có thành tích và kinh nghiệm về lĩnh vực thúc đẩy quyền lợi và tự do của nhân dân, số lượng một người.

Chủ tịch Thượng viện tổ chức tuyển chọn người xứng đáng được tiến cử làm ủy viên với số lượng gấp hai lần số lượng ủy viên quy định tại đoạn một; nhằm tiến cử lên Thượng viện để tiếp tục lựa chọn. Quá trình này phải tuân theo nguyên tắc do Chủ tịch Thượng viện quy định.

Những người được lựa chọn làm ủy viên sẽ họp cùng nhau để chọn ra Chủ tịch hội đồng.

Điều 71: Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động có nhiệm kỳ làm việc ba năm, và không thể bổ nhiệm giữ một chức vụ trong hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Ủy viên được đề cập tại đoạn một không phải là ủy viên NBTC, Ban phát thanh và truyền hình, Ban viễn thông, các phân ban, Thư ký NBTC, nhân viên hoặc người làm công của văn phòng NBTC, và áp dụng các quy định tại điều 7, điều 8 và điều 20 (1), (3), (4) và (5) một cách linh động.

Trong trường hợp ủy viên Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động miễn nhiệm không phải vì hết nhiệm kỳ, ủy viên còn lại vẫn tiếp tục hoạt động, và xem như Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động bao gồm số ủy viên còn lại, trừ khi số còn lại chưa tới ba người.

Phương thức họp và ra nghị quyết phải tuân theo quy chế do Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động quy định.

Tiền lương và các khoản chi khác trong việc xét tuyển và hoạt động của Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động phải tuân theo quy chế do NBTC quy định.

Điều 72: Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động có quyền và nghĩa vụ giám sát kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động và quản lý của NBTC, ban phát thanh và truyền hình, ban viễn thông, văn phòng NBTC và Thư ký NBTC. Sau đó làm báo cáo kết quả cho NBTC biết trong vòng chín mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. NBTC sẽ mang báo cáo nói trên trình lên Thượng viện cùng với báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của NBTC theo quy định tại điều 76. Bảng báo cáo nói trên sẽ được công khai cho nhân dân biết thông qua hệ thống mạng lưới thông tin của văn phòng NBTC hoặc cách khác nếu thấy thích hợp.

Việc đánh giá đề cập tại đoạn một phải dựa trên nền tảng sự thật và các thông tin khác đồng thời phải lắng nghe ý kiến của những người có liên quan.

Hội đồng có thể quy ủy quyền cho các cơ quan hoặc tổ chức có chuyên môn để tổng hợp thông tin, phân tích và đánh giá kết quả để đạt hiệu quả trong việc làm báo cáo.

Điều 73: Báo cáo được đề cập tại điều 72, phải có những nội dung cơ bản sau:

(1) Kết quả hoạt động của NBTC, ban phát thanh và truyền hình, ban viễn thông, văn phòng NBTC và Thư ký NBTC.

(2) Báo cáo sự thật hoặc nhận xét về hoạt động theo thẩm quyền và nghĩa vụ của NBTC, phần liên quan đến hoạt động một cách hiệu quả và phù hợp với chính sách của Chính phủ; cùng với ý kiến và đề nghị.

(3) Ý kiến về báo cáo hàng năm do NBTC thực hiện theo quy định tại điều 76.

(4) Các vấn đề khác cần thiết báo cáo với NBTC và Thư ký NBTC phải hợp tác và hỗ trợ Hội đồng giám sát và đánh giá kết quả hoạt động.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ VỚI CHÍNH PHỦ VÀ THƯƠNG VIỆN

Điều 74: Việc hoạt động theo quyền và nghĩa vụ, NBTC phải tiến hành một cách phù hợp với chính sách của Hội đồng Bộ trưởng trình lên Thượng viện.

Điều 75: Trong trường hợp có sự thương lượng hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ vương quốc Thái Lan với Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về vấn đề liên quan đến quản lý sóng vô tuyến, hoạt động phát thanh, truyền hình, hoạt động viễn thông hoặc những vấn đề liên quan khác, NBTC và văn phòng NBTC có nghĩa vụ cung cấp thông tin và kết hợp làm việc với Chính phủ.

Điều 76: NBTC làm báo cáo kết quả hoạt động hàng năm về lĩnh vực quản lý sóng vô tuyến, hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông, tùy từng trường hợp, phải thể hiện rõ chi tiết kế hoạch và kết quả hoạt động, chi tiết về việc quản lý sóng vô tuyến, việc phân bổ sóng vô tuyến, hoạt động phát thanh, truyền hình, viễn thông, tùy từng trường hợp, và kế hoạch hoạt động trong giai đoạn tới, trình lên Hội đồng Bộ trưởng và Thượng viện trong vòng một trăm hai mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và công khai cho nhân dân biết.

Báo cáo kết quả hoạt động hàng năm được đề cập tại đoạn một phải có những nội dung cơ bản như sau:

(1) Thành tích của NBTC trong năm vừa qua, so sánh với kế hoạch và dự án quy định.

(2) Kế hoạch, dự án, kế hoạch dự toán của năm tiếp theo.

(3) Báo cáo tài chính và báo cáo của người kiểm toán, báo cáo kiểm tra nội bộ.

(4) Các vấn đề và khó khăn trong hoạt động phát thanh, truyền hình, viễn thông các loại hình khác nhau, có tầm quan trọng với nhân dân.

(5) Chất lượng và phí dịch vụ viễn thông các loại hình khác nhau, có tầm quan trọng với nhân dân.

(6) Hiệu quả và hiệu lực trong việc phán xét các khiếu nại của người tiêu dùng.

(7) Hiệu quả và hiệu lực của công quỹ theo quy định tại điều 52.

(8) Báo cáo về tình trạng cạnh tranh trên thị trường trong hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông các loại hình, kể cả các nhận xét về các hành vi mang tính chât độc quyền hoạt động một cách trực tiếp và gián tiếp gây ảnh hưởng đến lợi ích của Chính phủ và nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng dân biểu và Thượng viện có thể cần NBTC hoặc Thư ký NBTC, tùy trường hợp, giải thích việc hoạt động về một vấn đề nào đó, bằng văn bản hoặc đến giải thích bằng lời nói.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT

Điều 77: Người tham gia hoạt động phát thanh, truyền hình hoặc viễn thông nhận được yêu cầu theo quy định tại điều 31, đoạn hai, mà không thi hành theo, NBTC có quyền xử phạt hành chính không quá năm triệu bath và phạt không quá một trăm bath mỗi ngày trong khoảng thời gian chưa thi hành theo yêu cầu.

Điều 78: Người nào sử dụng sóng vô tuyến cho hoạt động phát thanh, truyền hình hoặc viễn thông mà không được cấp phép theo quy định tại điều 41, đoạn một, hoặc điều 45, đoạn một, người đó phải chịu phạt theo quy định tại điều 66 Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình năm 2008, hoặc theo quy định tại điều 67 Luật về hoạt động viễn thông năm 2001, tùy trường hợp.

Điều 79: Cán bộ nhân viên NBTC hoặc người có thẩm quyền của NBTC biết hoặc được báo có hành vi sử dụng sóng vô tuyến trái phép hoặc không tuân theo Luật này, nếu không tiến hành xử lý để tuân theo Luật này, và hành vi đó không phạm tội theo điều 157 Bộ luật hình sự, thì cán bộ nhân viên NBTC hoặc người có thẩm quyền của NBTC nói trên chịu phạt tù không quá ba mươi ngày hoặc phạt không quá sáu mươi ngàn bath, hoặc vừa phạt tù vừa phạt tiền.

ĐIỀU KHOẢN DỰ PHÒNG

Điều 80: Trong quá trình việc bổ nhiệm NBTC theo quy định tại Luật này vẫn chưa hoàn thành, Ủy ban viễn thông quốc gia được bổ nhiệm theo quy định của Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh vô tuyến, vô tuyến truyền hình và vô tuyến viễn thông năm 2000 sẽ tiếp tục hoạt động với tư cách của NBTC theo quy định tại Luật này. Về phần liên quan đến hoạt động phát thanh, truyền

hình theo quy định tại Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình, thi hành theo các quy định của Luật trên.

Khi NBTC đã được bổ nhiệm, Ủy ban viễn thông quốc gia được đề cập tại đoạn một được bãi nhiệm.

Điều 81: Các ủy ban theo quy định tại Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình năm 2008, các ủy ban theo quy định tại Luật về hoạt động viễn thông năm 2001, và Ủy ban phát thanh và truyền hình quốc gia theo quy định tại điều 61 Luật về Ủy ban phát thanh và truyền hình Thái Lan năm 2008 được hiểu là NBTC theo quy định tại Luật này.

Các quan chức của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Bưu chính và điện tín, và cán bộ cấp giấy phép theo Luật về vô tuyến viễn thông là cán bộ của NBTC theo quy định tại Luật này.

Điều 82: Khi bổ nhiệm NBTC, Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức chính phủ hoặc cá nhân nào được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến để thực hiện hoạt động phát thanh, truyền hình, viễn thông, trong thời hạn hiệu lực của Luật này, có nhiệm vụ phải báo chi tiết việc sử dụng sóng vô tuyến, kể cả nhu cầu trong việc giữ sóng vô tuyến với NBTC theo nguyên tắc và thời gian do NBTC quy định.

Việc thi hành theo đoạn một, chính phủ, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức chính phủ phải báo chi tiết liên quan đến việc cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận cùng với thời hạn thỏa thuận và phí chuyển nhượng hoặc các phí khác theo quy định của giấy phép, chuyển nhượng hoặc hợp đồng đó, báo với NBTC theo nguyên tắc và cách thức do NBTC quy định. NBTC sẽ kiểm tra tính pháp lý của việc cấp phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó, đồng thời công khai thông tin và kết quả kiểm tra cho cộng đồng nhân dân được biết.

Điều 83: Người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến để thực hiện hoạt động phát thanh, truyền hình một cách hợp pháp, trong thời hạn hiệu lực

của Luật này và đã thực hiện theo quy định tại điều 82, được xem như đã được cấp phép bởi NBTC theo quy định tại Luật này. NBTC phải quản lý, giám sát người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến đó phải thực hiện theo quy định tại Luật này, Luật khác và theo nguyên tắc do NBTC quy định, đến khi đến thời hạn thu hồi sóng vô tuyến theo quy định tại đoạn ba.

Nội dung tại điều 43 không áp dụng với chính phủ và doanh nghiệp nhà nước mang sóng vô tuyến được phân bổ cho người khác sử dụng do được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận hợp pháp. Người được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận chỉ được tiếp tục hoạt động trong khoảng thời gian còn lại của giấy phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó.

NBTC quy định thời gian rõ ràng mà người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc người sử dụng sóng vô tuyến phải trả sóng vô tuyến trên để phân bổ hoặc cải tiến việc sử dụng sóng vô tuyến theo quy định trong kế hoạch quản lý sóng vô tuyến tại điều 48, phải cân nhắc đến lợi ích cộng đồng và nhu cầu của hoạt động và việc sử dụng sóng vô tuyến. Quá trình này phải cân nhắc dựa trên nhu cầu trong việc giữ sóng vô tuyến được báo theo quy định tại điều 82.

Điều 84: Người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến để thực hiện hoạt động viễn thông một cách hợp pháp, trong thời hạn hiệu lực của Luật này và đã thực hiện theo quy định tại điều 82, được xem như đã được cấp phép bởi NBTC theo quy định tại Luật này. NBTC phải quản lý, giám sát người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến đó phải thực hiện theo quy định tại Luật này, Luật khác và theo nguyên tắc do NBTC quy định, đến khi đến thời hạn thu hồi sóng vô tuyến theo quy định tại đoạn bốn.

Nội dung tại điều 46 không áp dụng với doanh nghiệp nhà nước mang sóng vô tuyến được phân bổ cho người khác sử dụng do được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận hợp pháp. Người được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận chỉ được

tiếp tục hoạt động trong khoảng thời gian còn lại của giấy phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận đó.

Khi quá thời gian quy định ba năm kể từ ngày áp dụng Luật này, các doanh nghiệp nhà nước phải mang doanh thu từ kết quả hoạt động trong phần được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận theo đoạn hai mà doanh nghiệp nhà nước đã hoạt động theo quy định của Luật về cho phép tư nhân hợp tác hoặc tham gia hoạt động của nhà nước, bất kể là hoạt động toàn phần hay vài phần, sau khi trừ đi các khoản chi sau đây, còn lại bao nhiêu sẽ chuyển cho NBTC và NBTC sẽ mang khoản tiền đó nộp vào doanh thu quốc gia.

(1) Lệ phí giấy phép hoạt động, cụ thể trong phần doanh thu cơ bản từ việc cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận.

(2) Chi phí hỗ trợ việc tổ chức dịch vụ viễn thông cơ bản rộng rãi, dịch vụ vì xã hội theo chính sách của Chính phủ, và theo quy định tại điều 50, cụ thể trong phần doanh thu cơ bản từ việc cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận.

(3) Chi phí phát sinh từ hoạt động theo phần được cho phép, chuyển nhượng hoặc thỏa thuận theo quy định của Bộ tài chính.

NBTC quy định thời hạn rõ ràng trong việc cho người được phân bổ sóng vô tuyến hoặc sử dụng sóng vô tuyến để trả lại nói trên nhằm phân bổ lại hoặc cải tiến việc sử dụng sóng vô tuyến theo quy định trong bản kế hoạch quản lý sóng vô tuyến theo điều 48, bằng cách áp dụng quy định tại điều 83 một các linh động.

Điều 85: Trong nhiệm kỳ đầu tiên, không áp dụng quy định tại điều 49, phần liên quan đến việc tổ chức cho tư nhân được sử dụng sóng vô tuyến trong hoạt động truyền hình không ít hơn 20%, cho đến khi NBTC thông báo sử dụng hệ thống thu phát tín hiệu vô tuyến truyền hình trong hệ thống kỹ thuật số.

NBTC lập kế hoạch quản lý sóng vô tuyến theo quy định tại điều 48 trong khoảng thời gian một năm tính từ khi bổ nhiệm NBTC. Kế hoạch nói trên phải quy định

thời gian trong việc thay đổi sang hệ thống thu phát tín hiệu vô tuyến truyền hình trong hệ thống kỹ thuật số và quy định về việc tổ chức cho tư nhân được sử dụng sóng vô tuyến trong hoạt động truyền hình.

Sau khi thông báo sử dụng kế hoạch quản lý sóng vô tuyến, trong thời gian chưa thông báo, sử dụng hệ thống thu phát tín hiệu vô tuyến truyền hình trong hệ thống kỹ thuật số, để NBTC phân bổ sóng vô tuyến cho giới tư nhân được sử dụng trong hoạt động truyền hình tạm thời, đặc biệt trong khu vực có sóng vô tuyến vừa đủ để phân bổ.

Điều 86: Người được nhận giấy phép hoạt động viễn thông do Ban hoạt động viễn thông quốc gia ủy quyền tiến hành tổ chức dịch vụ viễn thông cơ bản rộng khắp và dịch vụ vì xã hội theo Luật về hoạt động viễn thông năm 2001, trước ngày Luật này có hiệu lực, được miễn không cần nộp chi phí vào công quỹ theo quy định tại điều 50 cho đến khi kết thúc khoảng thời gian quy định trong thông báo Ban hoạt động viễn thông quốc gia về vấn đề nguyên tắc, phương thức và điều kiện trong việc tổ chức dịch vụ viễn thông cơ bản rộng khắp và dịch vụ vì xã hội.

Điều 87: Những giấy phép hợp pháp theo Luật vô tuyến viễn thông năm 1955, Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh vô tuyến, vô tuyến truyền hình và vô tuyến viễn thông năm 2000, Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình năm 2008, Luật về hoạt động viễn thông năm 2001, trước ngày Luật này có hiệu lực được phép tiếp tục sử dụng đến khi hết hạn, và được xem là giấy phép được cấp theo Luật này. NBTC phải quản lý giám sát người được cấp giấy phép hoạt động theo Luật này, những luật khác có liên quan và theo nguyên tắc do NBTC quy định.

Giấy phép nào được đề cập tại đoạn một cho phép sở hữu hoặc sử dụng sóng vô tuyến và không quy định ngày hết hạn có thể tiếp tục sử dụng cho đến ngày NBTC quy định giấy phép đó hết hạn, bằng cách áp dụng quy định tại điều 83, đoạn ba một cách linh động.

Điều 88: Trong vòng một trăm hai mươi ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực, NBTC cấp giấy phép sử dụng sóng vô tuyến và giấy phép hoạt động theo quy định của Luật về hoạt động phát thanh và truyền hình, cho Ban phát thanh và truyền hình công cộng Thái Lan theo tính chất và loại hình của hoạt động, kể cả phạm vi cung cấp dịch vụ theo điều kiện hiện tại vào ngày Luật này có hiệu lực.

Việc sử dụng sóng vô tuyến cho các hoạt động bổ sung thêm trong giấy phép đề cập tại đoạn một phải phù hợp với kế hoạch quản lý sóng vô tuyến và phải được cấp phép từ NBTC. Về việc này, NBTC có thể quy định các điều kiện cần thiết vì lợi ích cộng đồng.

Hoạt động của Ban phát thanh và truyền hình công cộng Thái Lan chỉ tuân theo các quy định của Luật này trong phạm vi không trái với Luật về Ban phát thanh và truyền hình công cộng Thái Lan.

Trong khi chưa được nhận giấy phép theo đoạn một, Ban phát thanh và truyền hình công cộng Thái Lan có thể tiếp tục hoạt động.

Điều 89: Tất cả hoạt động, tài sản, thẩm quyền, nhiệm vụ, khoản nợ, nhân viên, người làm thuê và ngân sách của văn phòng Ban phát thanh và truyền hình công cộng Thái Lan được chuyển cho văn phòng NBTC theo quy định tại Luật này.

Nhân viên và người làm thuê được chuyển đi theo đoạn một được nhận tạm thời khoản tiền lương, tiền thưởng theo vị trí hoặc tiền thuê, cùng với các lợi ích giống như từng được nhận, cho tới khi được bổ nhiệm vị trí trong văn phòng NBTC, nhưng không thể bổ nhiệm vị trí có tiền lương hoặc tiền thuê thấp hơn tiền lương hoặc tiền thuê cũ.

Trong trường hợp nhân viên hoặc người làm thuê theo quy chế hoặc hợp đồng lao động không quy định thời hạn thì việc thuê không thời hạn trên không được hưởng quyền lợi theo đoạn hai.

Điều 90: Khi bắt đầu nhiệm kỳ, phải tiến hành bổ nhiệm Thư ký NBTC theo quy định tại Luật này trong vòng chín mươi ngày tính từ ngày thành lập NBTC theo quy định tại Luật này.

Trong thời gian chưa có Thư ký NBTC theo quy định tại Luật này, cho phép Thư ký Ban hoạt động viễn thông quốc gia theo quy định tại Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh vô tuyến, vô tuyến truyền hình và vô tuyến viễn thông năm 2000, tiếp tục làm việc tạm thời trước khi Luật này có hiệu lực thi hành chức vụ Thư ký NBTC.

Điều 91: Tiền và tài sản hiện có của Quỹ phát triển hoạt động phát thanh và truyền hình vì lợi ích cộng đồng, và Quỹ phát triển hoạt động viễn thông vì lợi ích cộng đồng theo quy định của Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh vô tuyến, vô tuyến truyền hình và vô tuyến viễn thông năm 2000, chuyển cho quỹ theo quy định của Luật này vào ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 92: Phân hoạt động, tài sản, thẩm quyền, nhiệm vụ hiện có trong ngày Luật này có hiệu lực của Bộ quan hệ công chúng, văn phòng Thủ tướng Chính phủ, liên quan đến các bộ phận của Ủy ban hoạt động phát thanh và truyền hình quốc gia, Bộ quan hệ công chúng, văn phòng Thủ tướng Chính phủ, được chuyển cho văn phòng NBTC, ngoại trừ phần ngân sách tiền lương và tiền thuê định kỳ của nhân viên thì chuyển cho Bộ quan hệ công chúng, văn phòng Thủ tướng Chính phủ.

Điều 93: Cán bộ và người làm thuê của bộ phận của Ủy ban hoạt động phát thanh và truyền hình quốc gia Bộ quan hệ công chúng, văn phòng Thủ tướng Chính phủ làm việc trước khi Luật này có hiệu lực, nếu tình nguyện chuyển sang làm nhân viên hoặc làm thuê cho văn phòng NBTC, khi nộp đơn trình bày mong muốn với người lãnh đạo trong vòng chín mươi ngày tính từ ngày Luật này có hiệu lực, văn phòng NBTC sẽ nhận và bổ nhiệm cán bộ hoặc người làm thuê đó làm nhân viên hoặc làm thuê cho văn phòng NBTC theo quy tắc do NBTC quy định, nhưng không được quy định tiền lương

và tiền thuê thấp hơn tiền lương hoặc tiền thuê cũ. Đối với những người không trình bày mong muốn trong khoảng thời gian quy định trên thì vẫn làm việc tại Bộ quan hệ công chúng, văn phòng Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian chưa có NBTC theo Luật này, thẩm quyền của NBTC tại đoạn một là thẩm quyền của Ủy ban hoạt động viễn thông quốc gia, được thành lập theo quy định tại Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2000.

Điều 94: Việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ theo quy định tại điều 93 được xem là không còn là cán bộ nhà nước bởi vì đã thôi việc hoặc xuống chức theo luật về hưu trí cán bộ hoặc luật về công quỹ hưu trí cán bộ.

Việc tiếp nhận và bổ nhận người làm thuê theo quy định tại điều 93 được xem là đã nghỉ việc bởi vì phía chính phủ xuống chức hoặc cho thôi việc không lý do, và được nhận tiền hưu theo quy chế của Bộ tài chính về tiền hưu của người làm thuê.

Điều 95: Các quy chế, quy tắc, thông báo hoặc yêu cầu được đưa ra theo quy định của Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2000, hợp pháp và vẫn còn hiệu lực đến ngày Luật này có hiệu lực, có thể tiếp tục áp dụng nếu không trái hoặc xâm phạm đến Luật này cho đến khi có quy chế, quy tắc, thông báo hoặc yêu cầu mới theo Luật này.

Người nhận sắc lệnh Hoàng gia

Abhisit Vejjajiva

Thủ tướng

Lưu ý: Lý do thông báo sử dụng Luật này là do điều 47 Hiến pháp vương quốc Thái Lan quy định: phải có một tổ chức tự do của Chính phủ làm nhiệm vụ quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông. Như vậy, theo luật quy định và điều 305 (1) quy định luật thành lập tổ chức ban hành phải có nội dung quan trọng là thành lập ban chuyên môn, là phân ban của tổ chức đó, phân chia riêng

biệt, làm nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động phát thanh và truyền hình và chỉ đạo hoạt động viễn thông; ngoài ra có chi tiết về việc chỉ đạo và bảo vệ hoạt động, tổ chức quỹ phát triển tài nguyên truyền thông và thúc đẩy tư nhân hợp tác hoạt động truyền thông đại chúng. Bên cạnh đó, Luật về Ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông năm 2000 đã được áp dụng thi hành trong thời gian dài, nhưng không đạt được kết quả như mong đợi, làm phát sinh nhiều vấn đề làm cản trở hoạt động. Ngoài ra còn có một vài điều luật không phù hợp với Hiến pháp vương quốc Thái Lan. Vì vậy, cần thiết quy định thành lập một tổ chức Chính phủ tự do làm nhiệm vụ quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông. Bên cạnh đó quy định phạm vi công việc của tổ chức và việc chỉ đạo hoạt động nói trên, đồng thời cải tiến luật về ban quy hoạch sóng vô tuyến và chỉ đạo hoạt động phát thanh, truyền hình và viễn thông để phù hợp hơn với Hiến pháp vương quốc Thái Lan. Với lý do trên cần thiết ban hành Luật này.

This translated version is prepared with the sole purpose of facilitating the comprehension of foreign participants in the telecommunication rules and regulations and shall not in any event or by any reason be construed or interpreted as having effect in substitution for supplementary to the Thai version thereof. If its translation to other languages is in contrary to Thai version, the latter shall prevail.

Please note that the translation has not been subjected to an official review by the Office of the National Broadcasting and Telecommunications Commission. The Office of NBTC, accordingly, shall not undertake any responsibility for its accuracy, nor be held liable for any loss or damages arising from or in connection with its use.